

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 11C2

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 11C2 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	13/01/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Ao Gòn, Tân Lâm, Cần Đức, Long An
2	Đỗ Hoài Bảo	19/11/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp 3, Tân Ân, Cần Đức, Long An
3	Nguyễn Quốc Đạt	25/11/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	16/02/2008	Vĩnh Long	Kinh	Nữ		317, khu phố 3, thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	20/12/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 4, Tân Ân, Cần Đức, Long An
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	08/07/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
7	Lưu Thị Thanh Hiền	16/10/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp Ao Gòn, Tân Lâm, Cần Đức, Long An
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	19/11/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 6, Tân Ân, Cần Đức, Long An
9	Cao Hoài Hiếu	31/03/2008	Long An	Kinh	Nam		434, ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
10	Dương Khánh Hoàng	20/11/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		khu 3, thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	17/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp Đông Trung, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
12	Phạm Hoàng Khiêm	10/03/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		42, tổ 7, ấp 1, Phước Đông, Cần Đức, Long An
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	27/10/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		118, ấp Đông Nhất, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
14	La Trần Tuấn Kiệt	09/01/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		151, Mỹ Lệ, Cần Đức, Long An
15	Trần Nhã Kỳ	06/11/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		096, tổ 3, ấp 1, Phước Tuy,Cần Đức, Long An
16	Mai Khánh Lan	04/01/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		98, ấp Cầu Xây, Tân Lâm, Cần Đức
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	05/10/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
18	Phan Thị Yến Mai	18/09/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 3, Tân Ân, Cần Đức, Long An
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	05/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 6, Tân Ân, Cần Đức, Long An
20	Phạm Thị Thanh Ngân	16/04/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 1, Phước Đông, Cần Đức, Long An
21	Nguyễn Bảo Ngọc	12/05/2008	Long An	Kinh	Nữ		23B, khu 4, thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
22	Trần Chí Nguyên	26/12/2008	Long An	Kinh	Nam		513, ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
23	Trịnh Trọng Nhân	14/01/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp 4, Phước Đông, Cần Đức, Long An
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	14/08/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 2A, Tân Ân, Cần Đức, Long An
25	Mai Cẩm Nhung	24/06/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 1, Phước Đông, Cần Đức, Long An
26	Lê Tấn Phát	01/10/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp Bình Hòa, Tân Lâm, Cần Đức, Long An
27	Lưu Tấn Phát	18/02/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp Bình Hòa, Tân Lâm, Cần Đức, Long An
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	16/08/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		308, khu 2, thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
29	Nguyễn Quốc Thái	09/03/2008	Long An	Kinh	Nam		37, ấp 2B, Tân Ân, Cần Đức, Long An
30	Phạm Thanh Tháo	12/12/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Lăng, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
31	Nguyễn Thị Thanh Tháo	15/05/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
32	Nguyễn Minh Thư	30/07/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		121 Trần Hưng Đạo, khu 5, thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
33	Phùng Lê Yến Thư	05/08/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 7, Tân Ân, Cần Đức, Long An
34	Lê Phúc Toàn	07/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp Cầu Tam Bình, Mỹ Lệ, Cần Đức, Long An
35	Vô Hoàng Trúc	10/02/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 2, Phước Đông, Cần Đức, Long An
36	Lê Thị Ngọc Trúc	25/01/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 5, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	30/08/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Hòa Quới, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
38	Nguyễn Thành Trung	09/04/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 6, Phước Đông, Cần Đức, Long An
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	27/03/2008	Long An	Kinh	Nữ		613, ấp 1, Phước Đông, Cần Đức, Long An
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	26/10/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Đông Trung, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	05/12/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp Lăng, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
42	Nguyễn Ngọc Tháo Vy	16/08/2008	Long An	Kinh	Nữ		83, ấp Cầu Xây, Tân Lâm, Cần Đức, Long An
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	14/05/2008	Long An	Kinh	Nữ		186, ấp Bà Thoại, Tân Lâm, Cần Đức, Long An
44	Huỳnh Thị Như Ý	29/12/2008	Long An	Kinh	Nữ		55, ấp Đông Trung, Tân Chánh, Cần Đức, Long An
45	Nguyễn Thị Kim Yến	01/07/2008	Thừa Thiên Huế	Kinh	Nữ		ấp 1, Phước Tuy, Cần Đức, Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Nguyễn Anh Tuấn - Tự do	Nguyễn Thị Phương - Thợ may	
2	Đỗ Hoài Vũ - Nhân viên bán hàng	Lê Thị Thùy Dương - Công nhân	
3	Nguyễn Văn Sang - Làm thuê	Nguyễn Thị Kim Xuyên - Công nhân	
4		Tổng Thị Mỹ Hạnh - Công nhân	
5		Nguyễn Thị Bông - Công nhân	
6	Nguyễn Thanh Tùng - Cơ khí	Lê Thị Thanh Thảo - Buôn bán	
7	Lưu Tấn Kiệt - Thợ hồ	Phạm Thị Thu Hoa - Công nhân	
8	Nguyễn Văn Hưng - Buôn bán	Trần Thị Huệ - Nội trợ	
9	Cao Văn Luận - Công nhân	Nguyễn Thị Bé - Làm ruộng	
10	Dương Minh Khánh - Buôn bán	Phan Thị Thùy Dung - Buôn bán	
11	Nguyễn Văn Hậu - Buôn bán	Hồ Thị Ánh Xuân - Buôn bán	
12	Phạm Hoàng Long - Tự do	Phan Thị Lệ Hằng - Nội trợ	
13	Nguyễn Ngọc Anh - Đi sà lan	Trương Thái Cúc Huỳnh - Nội trợ	
14	La Thanh Bình - Buôn bán	Trần Thị Thanh Tâm - Buôn bán	
15	Trần Duy Lam - công nhân	Cao Thị Hồng Mỹ - Nội trợ	
16	Mai Thành Lực - Tài xế	Lê Thị Tuyết - Công nhân	
17	Nguyễn Văn Phao - Thợ hồ	Lê Thị Ngoan - Công nhân	
18	Phan Trung Tuấn - Thợ hàn	Đỗ Thị Quyền Trâm - Buôn bán	
19	Nguyễn Đăng Tâm - Thợ hồ	Trần Thị Kim Thoa -	
20	Phạm Thanh Sang - Buôn bán	Nguyễn Thị Thu Hồng - Buôn bán	
21	Nguyễn Tấn Tài - Công nhân viên chức	Nguyễn Hồng Thúy - Nội trợ	
22	Trần Văn Tân - Đi tàu	Nguyễn Thị Kim Vân - Công nhân	
23	Trịnh Hữu Lý - Thợ mộc	Văn Thị Nguyệt - Nội trợ	
24	Nguyễn Thanh Dũng - Thợ hồ	Nguyễn Thị Bé Hai - Công nhân	
25	Mai Văn Bằng - Làm ruộng	Từ Thị Kim Trâm - Làm ruộng	
26	Lê Tấn Phong - Làm ruộng	Nguyễn Thị Hiếu - Làm nail	
27	Lưu Tấn Bạc - Thợ hồ	Trương Thị Bé Năm - Công nhân	
28	Nguyễn Trương Thanh Quý - Công nhân	Phạm Thị Mỹ Phương - Công nhân	
29	Nguyễn Quốc Khánh - buôn bán	Phùng Thị Ngọc Phượng - buôn bán	
30	Phạm Văn Lợi - Công nhân	Lê Thị Thùy Trang - Công nhân	
31	Nguyễn Trường Thọ - Làm thuê	Nguyễn Thị Thanh Trúc - Nội trợ	
32	Nguyễn Minh Giàu - Lái tàu	Nguyễn Thị Tuyết Lan - Nội trợ	
33	Phùng Văn Ngộ - Thợ Hồ	Nguyễn Thị Huỳnh Nga - Công Nhân	
34	Lê Hoàng Hiệp - Tài xế	Lê Thị Kim Phượng - Nội trợ	
35	Võ Thành Tươi - Công nhân	Nguyễn Hoàng Phượng - Nội trợ	
36	Lê Hồng Phong - Thợ cần	Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Thợ may	
37	Nguyễn Trung Chánh - Đi tàu	Châu Thị Định - Buôn bán	
38	Nguyễn Công Thành - Lái tàu	Lê Thị Kiều Vân - Nội trợ	
39	Nguyễn Tấn Tài - Thợ hồ	Phạm Thị Ngọc Mỹ - Công nhân	
40	Trương Ngọc Hưng - Hớt tóc	Huỳnh Thị Diễm Thúy - Nội trợ	
41	Trần Văn Tèo - Lái xà lang	Phạm Thị Trúc Mai - Nội trợ	
42	Nguyễn Tấn Lực - Tự do	Nguyễn Thị Ngọc Trang - Nội trợ	
43	Nguyễn Quốc Phong - Tự do	Nguyễn Hồng Nhung - Tự do	
44	Huỳnh Văn Nhân - Làm thuê	Phạm Thị Riên - Công nhân	
45	Nguyễn Thanh Sang - Công nhân	Trần Thị Thanh Thủy - Công nhân	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	31	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo																																	0	0	0
2	Đỗ Hoài Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Nguyễn Tổng Gia Hân																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền																																	0	0	0
7	Lưu Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
9	Cao Hoài Hiếu						K																										1	0	1	
10	Dương Khánh Hoàng				K							K									P												3	1	2	
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền																																	0	0	0
12	Phạm Hoàng Khiêm																																	0	0	0
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi																																	0	0	0
14	La Trần Tuấn Kiệt																																	0	0	0
15	Trần Nhã Kỳ																																	0	0	0
16	Mai Khánh Lan																																	0	0	0
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai																																	0	0	0
18	Phan Thị Yến Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Kim Ngân																																	0	0	0
20	Phạm Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
21	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Chí Nguyên																																	0	0	0
23	Trịnh Trọng Nhân																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi																																	0	0	0
25	Mai Cẩm Nhung																																	0	0	0
26	Lê Tấn Phát																																	0	0	0
27	Lưu Tấn Phát																																	0	0	0
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh																																	0	0	0
29	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
30	Phạm Thanh Thảo																																	0	0	0
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
32	Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
33	Phùng Lê Yến Thư																																	0	0	0
34	Lê Phúc Toàn																																	0	0	0
35	Võ Hoàng Trúc																																	0	0	0
36	Lê Thị Ngọc Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc																																	0	0	0
38	Nguyễn Thành Trung																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền																																	0	0	0
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền																																	0	0	0
41	Trần Thị Cẩm Tuyền																																	0	0	0
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy						K						K							P							K						4	1	3	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy					K						K								P									K				4	1	3	
44	Huỳnh Thị Như Ý																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	1	1	2	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0		12	3	9

Tỉ lệ:

có phép: 25.00%
không phép: 75.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo																																	0	0	0
2	Đỗ Hoài Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Nguyễn Tổng Gia Hân									P																								1	1	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền																																	0	0	0
7	Lưu Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
9	Cao Hoài Hiếu																	K																1	0	1
10	Dương Khánh Hoàng				K							K			P								K											4	1	3
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền																																	0	0	0
12	Phạm Hoàng Khiêm										P														K									2	1	1
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi																																	0	0	0
14	La Trần Tuấn Kiệt																																	0	0	0
15	Trần Nhã Kỳ																																	0	0	0
16	Mai Khánh Lan																																	0	0	0
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai																																	0	0	0
18	Phan Thị Yến Mai																	P																1	1	0
19	Nguyễn Thị Kim Ngân																									P								1	1	0
20	Phạm Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
21	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Chí Nguyên																																	0	0	0
23	Trịnh Trọng Nhân																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi																																	0	0	0
25	Mai Cẩm Nhung																	P																1	1	0
26	Lê Tấn Phát																																	0	0	0
27	Lưu Tấn Phát																																	0	0	0
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh																																	0	0	0
29	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
30	Phạm Thanh Thảo										K							K									P							3	1	2
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
32	Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
33	Phùng Lê Yến Thư																																	0	0	0
34	Lê Phúc Toàn																																	0	0	0
35	Võ Hoàng Trúc																																	0	0	0
36	Lê Thị Ngọc Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc																																	0	0	0
38	Nguyễn Thành Trung																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền																																	0	0	0
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền																																	0	0	0
41	Trần Thị Cẩm Tuyền											P																						1	1	0
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy			K							K													P						K				4	1	3
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy				P					K								P							K									4	2	2
44	Huỳnh Thị Như Ý																							P										1	1	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																													P				1	1	0
	Tổng số		0	1	1	1	0	0	0	2	3	2	0	0	0	1	0	1	4	0	0	0	1	2	2	1	1	0	0	0	2	0	0	25	13	12

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7		TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo																																	0	0	0
2	Đỗ Hoài Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Nguyễn Tổng Gia Hân															P																		1	1	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền																																	0	0	0
7	Lưu Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
9	Cao Hoài Hiếu																																	0	0	0
10	Dương Khánh Hoàng						K									K						P							K				4	1	3	
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền																																	0	0	0
12	Phạm Hoàng Khiêm																					K											1	0	1	
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi																				P												1	1	0	
14	La Trần Tuấn Kiệt																												P				1	1	0	
15	Trần Nhã Kỳ																																	0	0	0
16	Mai Khánh Lan							P																										1	1	0
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai																																	0	0	0
18	Phan Thị Yến Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Kim Ngân																				P													1	1	0
20	Phạm Thị Thanh Ngân																					P												1	1	0
21	Nguyễn Bảo Ngọc														P																			1	1	0
22	Trần Chí Nguyên																																	0	0	0
23	Trịnh Trọng Nhân																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi																																	0	0	0
25	Mai Cẩm Nhung						K																											1	0	1
26	Lê Tấn Phát																																	0	0	0
27	Lưu Tấn Phát																																	0	0	0
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh																																	0	0	0
29	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
30	Phạm Thanh Thảo															K							P											2	1	1
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
32	Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
33	Phùng Lê Yến Thư																																	0	0	0
34	Lê Phúc Toàn																																	0	0	0
35	Võ Hoàng Trúc																																	0	0	0
36	Lê Thị Ngọc Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc															P																		1	1	0
38	Nguyễn Thành Trung																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền																																	0	0	0
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền																																	0	0	0
41	Trần Thị Cẩm Tuyền																					P												1	1	0
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy						K								P						K								P				4	2	2	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy							K								K						P											3	1	2	
44	Huỳnh Thị Như Ý																				P													1	1	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	3	2	0	0	0	0	0	1	4	2	0	0	0	0	4	3	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	25	15	10	

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 38.46%		
không phép: 61.54%		
	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo																																	0	0	0
2	Đỗ Hoài Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Nguyễn Tổng Gia Hân							P																										1	1	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền																																	0	0	0
7	Lưu Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
9	Cao Hoài Hiếu																																	0	0	0
10	Dương Khánh Hoàng				K													K						P										3	1	2
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền																	P																1	1	0
12	Phạm Hoàng Khiêm																																	0	0	0
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi																																	0	0	0
14	La Trần Tuấn Kiệt																	P																1	1	0
15	Trần Nhã Kỳ																																	0	0	0
16	Mai Khánh Lan																																	0	0	0
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai																																	0	0	0
18	Phan Thị Yến Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Kim Ngân																																	0	0	0
20	Phạm Thị Thanh Ngân											P																						1	1	0
21	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Chí Nguyên																																	0	0	0
23	Trịnh Trọng Nhân																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi																																	0	0	0
25	Mai Cẩm Nhung									P																								1	1	0
26	Lê Tấn Phát																																	0	0	0
27	Lưu Tấn Phát																																	0	0	0
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh																																	0	0	0
29	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
30	Phạm Thanh Thảo																	K																1	0	1
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
32	Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
33	Phùng Lê Yến Thư																																	0	0	0
34	Lê Phúc Toàn																																	0	0	0
35	Võ Hoàng Trúc																																	0	0	0
36	Lê Thị Ngọc Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc																																	0	0	0
38	Nguyễn Thành Trung																																			

Tỉ lệ:
có phép: 64.29%
không phép: 35.71%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6				TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo																																	0	0	0
2	Đỗ Hoài Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Nguyễn Tổng Gia Hân											P																						1	1	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền																																	0	0	0
7	Lưu Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
9	Cao Hoài Hiếu																																	0	0	0
10	Dương Khánh Hoàng							K							K							K											3	0	3	
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền																				P												1	1	0	
12	Phạm Hoàng Khiêm														P																		1	1	0	
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi																																	0	0	0
14	La Trần Tuấn Kiệt																																	0	0	0
15	Trần Nhã Kỳ																																	0	0	0
16	Mai Khánh Lan																																	0	0	0
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai																																	0	0	0
18	Phan Thị Yến Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Kim Ngân																				P												1	1	0	
20	Phạm Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
21	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Chí Nguyên																																	0	0	0
23	Trịnh Trọng Nhân																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi																																	0	0	0
25	Mai Cẩm Nhung																																	0	0	0
26	Lê Tấn Phát																																	0	0	0
27	Lưu Tấn Phát																																	0	0	0
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh																																	0	0	0
29	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
30	Phạm Thanh Thảo																					K											1	0	1	
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
32	Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
33	Phùng Lê Yến Thư																				P												1	1	0	
34	Lê Phúc Toàn														P																		1	1	0	
35	Võ Hoàng Trúc																					P											1	1	0	
36	Lê Thị Ngọc Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc																																	0	0	0
38	Nguyễn Thành Trung																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền																																	0	0	0
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền																																	0	0	0
41	Trần Thị Cẩm Tuyền																				P												1	1	0	
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy				K										K							P											3	1	2	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy					K									K						K												3	0	3	
44	Huỳnh Thị Như Ý																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	1	1	1	0	0	0	1	0	0	5	0	0	0	0	1	3	3	2	0	0	0	0	0	0	0			18	9	9	

Tỉ lệ:

có phép: 50.00%
không phép: 50.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo																				P													1	1	0
2	Đỗ Hoài Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Nguyễn Tổng Gia Hân																			K														1	0	1
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân													P																				1	1	0
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền																				K													1	0	1
7	Lưu Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
9	Cao Hoài Hiếu																					K												1	0	1
10	Dương Khánh Hoàng							K							P						K													3	1	2
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền																																	0	0	0
12	Phạm Hoàng Khiêm																																	0	0	0
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi																																	0	0	0
14	La Trần Tuấn Kiệt																				P													1	1	0
15	Trần Nhã Kỳ																																	0	0	0
16	Mai Khánh Lan																																	0	0	0
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai																																	0	0	0
18	Phan Thị Yến Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Kim Ngân																																	0	0	0
20	Phạm Thị Thanh Ngân																				P													1	1	0
21	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Chí Nguyên																																	0	0	0
23	Trịnh Trọng Nhân																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi																																	0	0	0
25	Mai Cẩm Nhung																																	0	0	0
26	Lê Tấn Phát																																	0	0	0
27	Lưu Tấn Phát																																	0	0	0
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh																																	0	0	0
29	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
30	Phạm Thanh Thảo																										P							1	1	0
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
32	Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
33	Phùng Lê Yến Thư																																	0	0	0
34	Lê Phúc Toàn																																	0	0	0
35	Võ Hoàng Trúc																																	0	0	0
36	Lê Thị Ngọc Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc																																	0	0	0
38	Nguyễn Thành Trung																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền																																	0	0	0
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền																										P							1	1	0
41	Trần Thị Cẩm Tuyền																																	0	0	0
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy							K								K											P							3	1	2
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy							P						K														K						3	1	2
44	Huỳnh Thị Như Ý																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	1	2	1	0	0	0	1	4	1	1	0	0	0	1	3	0	0	0	0	0	18	9	9

Tỉ lệ:

có phép: 50.00%
không phép: 50.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo															K																		1	0	1
2	Đỗ Hoài Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Nguyễn Tổng Gia Hân																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân									P																								1	1	0
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền													P																				1	1	0
7	Lưu Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền																																	0	0	0
9	Cao Hoài Hiếu									P																								1	1	0
10	Dương Khánh Hoàng									K							K																	2	0	2
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền															K																		1	0	1
12	Phạm Hoàng Khiêm																K																	1	0	1
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi																																	0	0	0
14	La Trần Tuấn Kiệt																																	0	0	0
15	Trần Nhã Kỳ																																	0	0	0
16	Mai Khánh Lan																																	0	0	0
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai																																	0	0	0
18	Phan Thị Yến Mai																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Kim Ngân																																	0	0	0
20	Phạm Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
21	Nguyễn Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Chí Nguyên																																	0	0	0
23	Trịnh Trọng Nhân																																	0	0	0
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi																																	0	0	0
25	Mai Cẩm Nhung																																	0	0	0
26	Lê Tấn Phát																P																	1	1	0
27	Lưu Tấn Phát																																	0	0	0
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh																																	0	0	0
29	Nguyễn Quốc Thái																																	0	0	0
30	Phạm Thanh Thảo																																	0	0	0
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo																																	0	0	0
32	Nguyễn Minh Thư																																	0	0	0
33	Phùng Lê Yến Thư																																	0	0	0
34	Lê Phúc Toàn																																	0	0	0
35	Võ Hoàng Trúc																																	0	0	0
36	Lê Thị Ngọc Trúc																																	0	0	0
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc																																	0	0	0
38	Nguyễn Thành Trung																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền																																	0	0	0
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền																																	0	0	0
41	Trần Thị Cẩm Tuyền																																	0	0	0
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy																K																	1	0	1
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																K																	1	0	1
44	Huỳnh Thị Như Ý																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	1	0	2	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	4	7

Tỉ lệ:

có phép: 36.36%
không phép: 63.64%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	10,0	8,0	6,0	7,0		4,8	6,0	6,5	Cần cố gắng ở học kỳ 2
2	Đỗ Hoài Bảo	8,0	8,0	8,0	6,0		3,5	4,3	5,5	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
3	Nguyễn Quốc Đạt	8,0	10,0	9,0	7,0		6,0	4,8	6,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	8,0	9,0	7,0	6,0		2,0	7,8	6,4	Cần cố gắng ở học kỳ 2
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	5,0	9,0	5,0		2,5	4,0	4,9	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	8,0	10,0	8,0	7,0		7,3	6,5	7,5	Học khá, ngoan
7	Lưu Thị Thanh Hiền	8,0	10,0	9,0	8,0		6,5	8,5	8,2	Học tốt, chăm ngoan
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	10,0	10,0	9,0	8,0		5,8	7,5	7,9	Học khá, ngoan
9	Cao Hoài Hiếu	7,0	7,0	8,0	6,0		5,5	5,8	6,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2
10	Dương Khánh Hoàng	8,0	2,0	6,0	5,0		4,5	4,8	4,9	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	7,0	5,0	9,0	6,0		3,0	5,8	5,6	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
12	Phạm Hoàng Khiêm	7,0	7,0	9,0	5,0		3,0	4,0	5,1	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	9,0	10,0	9,0	7,0		5,5	6,8	7,4	Học khá, chăm ngoan
14	La Trần Tuấn Kiệt	9,0	8,0	9,0	7,0		5,5	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan
15	Trần Nhã Kỳ	7,0	4,0	9,0	7,0		5,0	7,8	6,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2
16	Mai Khánh Lan	9,0	8,0	9,0	8,0		6,3	6,5	7,3	Học khá
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	9,0	10,0	9,0	8,0		5,0	9,3	8,2	Học tốt, chăm ngoan
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	7,0	9,0	8,0		6,5	7,3	7,4	Học khá, ngoan
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	10,0	9,0	9,0	8,0		6,5	6,0	7,4	Học khá, ngoan
20	Phạm Thị Thanh Ngân	9,0	10,0	9,0	8,0		6,0	8,8	8,3	Học tốt
21	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	6,0	8,0	7,0		5,5	6,8	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2
22	Trần Chi Nguyễn	9,0	10,0	9,0	7,0		6,0	5,8	7,2	Học khá, ngoan
23	Trịnh Trọng Nhân	9,0	10,0	8,0	7,0		5,5	6,8	7,3	Học khá, ngoan
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	9,0	9,0	9,0	7,0		5,3	6,5	7,1	Học khá, ngoan
25	Mai Cẩm Nhung	6,0	6,0	7,0	6,0		5,3	5,8	5,9	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
26	Lê Tấn Phát	9,0	6,0	7,0	7,0		4,3	5,8	6,1	Cần cố gắng ở học kỳ 2
27	Lưu Tấn Phát	9,0	8,0	9,0	8,0		6,0	7,0	7,4	Học khá, ngoan
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10,0	10,0	9,0	9,0		7,0	8,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan
29	Nguyễn Quốc Thái	7,0	9,0	8,0	7,0		6,0	6,0	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2
30	Phạm Thanh Thảo	9,0	10,0	8,0	8,0		5,5	7,5	7,6	Học khá, ngoan
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	10,0	9,0	9,0		8,0	9,5	9,1	Học tốt, chăm ngoan
32	Nguyễn Minh Thư	9,0	9,0	8,0	9,0		8,0	8,3	8,4	Học tốt, chăm ngoan
33	Phùng Lê Yến Thư	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,3	9,2	Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.
34	Lê Phúc Toàn	9,0	3,0	7,0	6,0		4,0	5,3	5,4	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
35	Võ Hoàng Trúc	9,0	10,0	9,0	8,0		8,5	6,3	8,0	Học khá, ngoan
36	Lê Thị Ngọc Trúc	10,0	9,0	9,0	9,0		8,0	9,0	8,9	Học tốt, chăm ngoan
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	9,0	7,0	9,0	7,0		7,8	6,3	7,4	Học khá, ngoan
38	Nguyễn Thành Trung	10,0	9,0	9,0	8,0		7,3	6,3	7,7	Học khá, ngoan
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	8,0	9,0	7,0	6,0		5,3	4,0	5,8	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	8,0	6,0	9,0	5,0		3,3	5,3	5,6	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	6,0	9,0	7,0		7,3	6,3	7,1	Học khá
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	6,0	5,0	9,0	6,0		5,5	6,0	6,1	Cần cố gắng ở học kỳ 2
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	6,0	1,0	2,0	5,0		5,8	4,8	4,4	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
44	Huỳnh Thị Như Ý	6,0	8,0	9,0	7,0		7,3	7,0	7,3	Học khá
45	Nguyễn Thị Kim Yến	9,0	10,0	9,0	8,0		7,5	7,5	8,2	Học tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ngân

HÓA HỌC HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGk	ĐTB mhh	Ghi Chú		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	7,0	7,0	8,0			5,0	6,5	6,4	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
2	Đỗ Hoài Bảo	7,0	7,0	8,0			5,8	5,3	6,2	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
3	Nguyễn Quốc Đạt	7,0	8,0	8,0			8,0	8,8	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	8,0	8,0	9,0			7,8	8,8	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	7,0	8,0			5,0	4,8	5,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	8,0	8,0	9,0			9,3	8,5	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
7	Lưu Thị Thanh Hiền	9,0	8,0	9,0			7,8	8,3	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	9,0	8,0	9,0			8,0	8,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
9	Cao Hoài Hiếu	7,0	7,0	8,0			7,0	8,5	7,7	Học khá. Chăm, ngoan		
10	Dương Khánh Hoàng	8,0	8,0	8,0			6,8	8,3	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	7,0	8,0	7,0			5,0	6,0	6,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
12	Phạm Hoàng Khiêm	6,0	7,0	7,0			5,8	4,3	5,6	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	9,0	8,0	9,0			7,5	7,0	7,8	Chăm, ngoan, có cố gắng		
14	La Trần Tuấn Kiệt	8,0	7,0	8,0			7,0	8,5	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
15	Trần Nhã Kỳ	7,0	8,0	7,0			7,8	9,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
16	Mai Khánh Lan	7,0	8,0	8,0			8,5	9,3	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	7,0	9,0	9,0			9,3	9,3	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
18	Phan Thị Yến Mai	7,0	8,0	8,0			7,8	8,8	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	8,0	7,0			7,5	6,8	7,4	Học khá. Chăm, ngoan		
20	Phạm Thị Thanh Ngân	8,0	9,0	9,0			9,3	8,5	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
21	Nguyễn Bảo Ngọc	7,0	8,0	8,0			7,8	8,0	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
22	Trần Chí Nguyễn	8,0	7,0	9,0			6,5	6,5	7,1	Học khá. Chăm, ngoan		
23	Trịnh Trọng Nhân	9,0	8,0	8,0			8,8	8,3	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	8,0	7,0	9,0			6,3	6,8	7,1	Học khá. Chăm, ngoan		
25	Mai Cẩm Nhung	7,0	8,0	8,0			8,3	7,3	7,7	Học khá. Chăm, ngoan		
26	Lê Tấn Phát	7,0	7,0	8,0			6,3	7,3	7,1	Học khá. Chăm, ngoan		
27	Lưu Tấn Phát	7,0	7,0	9,0			6,3	7,5	7,3	Học khá. Chăm, ngoan		
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	8,0	7,0	9,0			6,5	8,0	7,6	Học khá. Chăm, ngoan		
29	Nguyễn Quốc Thái	7,0	8,0	8,0			8,3	7,5	7,8	Chăm, ngoan, có cố gắng		
30	Phạm Thanh Thảo	9,0	9,0	8,0			9,0	9,5	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7,0	9,0	9,0			9,3	9,3	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
32	Nguyễn Minh Thư	7,0	9,0	9,0			9,0	9,5	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
33	Phùng Lê Yến Thư	7,0	8,0	9,0			7,8	8,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
34	Lê Phúc Toàn	7,0	7,0	8,0			6,5	7,0	7,0	Học khá. Chăm, ngoan		
35	Võ Hoàng Trúc	8,0	9,0	9,0			9,3	8,5	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
36	Lê Thị Ngọc Trúc	7,0	9,0	9,0			9,0	9,0	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	8,0	8,0	9,0			7,8	8,3	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
38	Nguyễn Thành Trung	7,0	8,0	9,0			8,8	9,5	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	7,0	8,0	8,0			8,8	8,3	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	8,0	7,0	9,0			5,0	8,0	7,3	Học khá. Chăm, ngoan		
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	7,0	7,0	8,0			7,3	7,5	7,4	Học khá. Chăm, ngoan		
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	7,0	8,0	8,0			7,3	8,5	7,9	Học khá. Chăm, ngoan		
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	7,0	8,0	8,0			7,0	8,8	7,9	Học khá. Chăm, ngoan		
44	Huỳnh Thị Như Ý	7,0	8,0	8,0			8,0	7,8	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	8,0	9,0			8,8	9,5	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	8,0	5,0	7,0			3,3	6,0	5,6	Ngoan, hiền.		
2	Đỗ Hoài Bảo	5,0	6,0	6,0			4,3	5,0	5,1	Ngoan, hiền.		
3	Nguyễn Quốc Đạt	10,0	6,0	7,0			8,5	5,0	6,9	Ngoan, hiền, học khá.		
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	8,0	8,0	7,0			6,0	7,5	7,2	Ngoan, hiền, học khá.		
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	4,0	8,0			4,5	4,3	5,4	Ngoan, hiền.		
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	10,0	8,0	9,0			8,8	8,5	8,8	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
7	Lưu Thị Thanh Hiền	9,0	9,0	6,0			8,0	6,5	7,4	Ngoan, hiền, học khá.		
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	9,0	9,0	7,0			8,0	6,3	7,5	Ngoan, hiền, học khá.		
9	Cao Hoài Hiếu	7,0	7,0	8,0			7,5	8,3	7,7	Ngoan, hiền, học khá.		
10	Dương Khánh Hoàng	5,0	7,0	9,0			7,0	6,8	6,9	Ngoan, hiền, học khá.		
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	8,0	7,0	8,0			7,0	6,0	6,9	Ngoan, hiền, học khá.		
12	Phạm Hoàng Khiêm	8,0	6,0	6,0			8,0	6,3	6,9	Ngoan, hiền, học khá.		
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	9,0	7,0	8,0			6,5	6,0	6,9	Ngoan, hiền, học khá.		
14	La Trần Tuấn Kiệt	9,0	6,0	9,0			5,5	6,5	6,8	Ngoan, hiền, học khá.		
15	Trần Nhã Kỳ	8,0	8,0	6,0			6,8	7,5	7,3	Ngoan, hiền, học khá.		
16	Mai Khánh Lan	9,0	8,0	8,0			8,0	8,0	8,1	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	10,0	8,0	8,0			8,3	8,5	8,5	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
18	Phan Thị Yến Mai	9,0	8,0	8,0			6,5	8,3	7,9	Ngoan, hiền, học khá.		
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	10,0	8,0	7,0			8,5	6,5	7,7	Ngoan, hiền, học khá.		
20	Phạm Thị Thanh Ngân	10,0	8,0	8,0			8,5	8,8	8,7	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
21	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	8,0	6,0			7,5	7,5	7,4	Ngoan, hiền, học khá.		
22	Trần Chí Nguyên	10,0	8,0	7,0			5,5	7,3	7,2	Ngoan, hiền, học khá.		
23	Trịnh Trọng Nhân	10,0	7,0	9,0			7,0	5,3	7,0	Ngoan, hiền, học khá.		
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	9,0	8,0	6,0			6,8	8,3	7,7	Ngoan, hiền, học khá.		
25	Mai Cẩm Nhung	7,0	8,0	6,0			7,8	7,3	7,3	Ngoan, hiền, học khá.		
26	Lê Tấn Phát	10,0	6,0	7,0			4,6	6,5	6,5	Ngoan, hiền, học khá.		
27	Lưu Tấn Phát	10,0	6,0	7,0			5,8	7,3	7,1	Ngoan, hiền, học khá.		
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	8,0	7,0	8,0			7,3	6,3	7,1	Ngoan, hiền, học khá.		
29	Nguyễn Quốc Thái	8,0	8,0	7,0			7,3	7,3	7,4	Ngoan, hiền, học khá.		
30	Phạm Thanh Thảo	10,0	7,0	8,0			8,3	8,3	8,3	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	8,0	8,0			8,3	8,5	8,5	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
32	Nguyễn Minh Thư	10,0	6,0	8,0			9,5	9,5	8,9	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
33	Phùng Lê Yến Thư	8,0	8,0	7,0			7,0	7,0	7,3	Ngoan, hiền, học khá.		
34	Lê Phúc Toàn	8,0	5,0	8,0			5,0	7,0	6,5	Ngoan, hiền, học khá.		
35	Võ Hoàng Trúc	9,0	8,0	7,0			8,0	9,3	8,5	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
36	Lê Thị Ngọc Trúc	8,0	7,0	7,0			6,0	6,8	6,8	Ngoan, hiền, học khá.		
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	10,0	8,0	8,0			8,3	6,8	7,9	Ngoan, hiền, học khá.		
38	Nguyễn Thành Trung	10,0	8,0	8,0			8,5	9,8	9,1	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	10,0	8,0	8,0			10,0	5,8	7,9	Ngoan, hiền, học khá.		
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	9,0	6,0	7,0			7,0	6,3	6,9	Ngoan, hiền, học khá.		
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	8,0	7,0			7,5	7,8	7,7	Ngoan, hiền, học khá.		
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	5,0	8,0	7,0			5,8	8,0	7,0	Ngoan, hiền, học khá.		
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	5,0	7,0	8,0			5,8	8,8	7,3	Ngoan, hiền, học khá.		
44	Huỳnh Thị Như Ý	8,0	8,0	8,0			8,5	7,3	7,9	Ngoan, hiền, học khá.		
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	7,0	8,0			8,5	8,0	8,0	Chăm,ngoan, hiền, học giỏi.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Liên, Phạm Thị Thu

HỌC KỲ I Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	2,0	8,0	7,0	7,0		5,0	6,0	5,8	Cần tập trung vào công việc học tập		
2	Đỗ Hoài Bảo	4,0	4,0	9,0	6,0		3,5	2,5	4,2	Tạm tạm, phải cố gắng thật nhiều		
3	Nguyễn Quốc Đạt	6,0	6,0	7,0	6,0		5,5	3,0	5,0	Cố lên, sẽ có nhiều cơ hội		
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	2,0	7,0	6,0	6,0		4,0	6,0	5,2	Cố lên, sẽ có nhiều cơ hội		
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	2,0	6,0	9,0	6,0		4,0	3,0	4,4	Cố lên, sẽ có nhiều cơ hội		
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	6,0	7,0	8,0	7,0		5,0	6,0	6,2	Cần phải cố gắng nhiều hơn		
7	Lưu Thị Thanh Hiền	7,0	7,0	8,0	7,0		6,0	7,5	7,1	Cố cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn		
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	7,0	8,0	8,0	8,0		6,5	5,0	6,6	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập		
9	Cao Hoài Hiếu	2,0	4,0	7,0	4,0		2,0	4,0	3,7	Cần sắp xếp công việc để tập trung vào việc học		
10	Dương Khánh Hoàng	7,0	4,0	9,0	7,0		5,0	4,5	5,6	Cần tập trung vào công việc học tập		
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	2,0	5,0	8,0	6,0		3,5	2,5	3,9	Cần sắp xếp công việc để tập trung vào việc học		
12	Phạm Hoàng Khiêm	3,0	6,0	8,0	7,0		4,0	7,0	5,9	Cần tập trung vào công việc học tập		
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	7,0	8,0	9,0	8,0		7,0	6,5	7,3	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập		
14	La Trần Tuấn Kiệt	6,0	8,0	8,0	7,0		7,0	6,5	6,9	Được, cần tập trung hơn		
15	Trần Nhã Kỳ	3,0	7,0	8,0	7,0		3,5	5,0	5,2	Cần sắp xếp công việc để tập trung vào việc học		
16	Mai Khánh Lan	8,0	8,0	7,0	8,0		6,0	5,0	6,4	Cố cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn		
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	7,0	7,0	8,0	7,0		5,5	6,5	6,6	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập		
18	Phan Thị Yến Mai	7,0	8,0	9,0	8,0		5,0	4,5	6,2	Cần phải cố gắng nhiều hơn		
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	7,0	9,0	8,0	8,0		6,0	6,5	7,1	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập		
20	Phạm Thị Thanh Ngân	6,0	6,0	8,0	7,0		7,0	6,0	6,6	Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần		
21	Nguyễn Bảo Ngọc	3,0	6,0	7,0	7,0		4,0	6,0	5,4	Cố lên, sẽ có nhiều cơ hội		
22	Trần Chí Nguyễn	6,0	6,0	7,0	6,0		5,0	5,5	5,7	Phải nỗ lực nhiều hơn		
23	Trịnh Trọng Nhân	6,0	8,0	8,0	7,0		6,0	6,5	6,7	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập		
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	7,0	7,0	7,0	7,0		5,5	5,0	6,0	Cần phải cố gắng nhiều hơn		
25	Mai Cẩm Nhung	8,0	7,0	7,0	7,0		4,0	4,5	5,6	Cần tập trung vào công việc học tập		
26	Lê Tấn Phát	6,0	7,0	9,0	7,0		5,0	7,0	6,7	Được, cần tập trung hơn		
27	Lưu Tấn Phát	6,0	6,0	7,0	6,0		6,0	6,0	6,1	Cần phải cố gắng nhiều hơn		
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	7,0	7,0	8,0	7,0		6,0	5,5	6,4	Cố cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn		
29	Nguyễn Quốc Thái	2,0	7,0	8,0	7,0		4,0	5,5	5,4	Cần sắp xếp công việc để tập trung vào việc học		
30	Phạm Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0	9,0		7,0	8,5	8,4	Học giỏi, chăm ngoan		
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	6,0	6,0	8,0	7,0		5,0	6,0	6,1	Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập		
32	Nguyễn Minh Thư	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	9,0	9,7	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu		
33	Phùng Lê Yến Thư	7,0	8,0	9,0	8,0		6,0	6,0	6,9	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập		
34	Lê Phúc Toàn	6,0	8,0	9,0	8,0		4,5	3,0	5,4	Cần sắp xếp công việc để tập trung vào việc học		
35	Võ Hoàng Trúc	7,0	7,0	8,0	7,0		6,0	6,0	6,6	Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần		
36	Lê Thị Ngọc Trúc	7,0	7,0	7,0	7,0		6,0	7,5	6,9	Được, cần tập trung hơn		
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	4,0	7,0	7,0	7,0		4,0	4,5	5,2	Cố lên, sẽ có nhiều cơ hội		
38	Nguyễn Thành Trung	5,0	7,0	7,0	6,0		5,5	6,5	6,2	Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập		
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	7,0	8,0	9,0	8,0		3,0	4,0	5,6	Phải nỗ lực nhiều hơn		
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	7,0	10,0	9,0	9,0		5,5	4,5	6,6	Được, cần tập trung hơn		
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	3,0	7,0	8,0	7,0		5,0	5,5	5,7	Cần tập trung vào công việc học tập		
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	2,0	3,0	8,0	5,0		4,5	5,0	4,7	Cần sắp xếp công việc để tập trung vào việc học		
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	2,0	3,0	8,0	5,0		3,0	5,0	4,3	Cố lên, sẽ có nhiều cơ hội		
44	Huỳnh Thị Như Ý	3,0	7,0	7,0	7,0		5,0	5,5	5,6	Tạm được		
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	8,0	9,0	8,0		6,0	5,0	6,7	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	7,0	5,0	5,0			3,8	7,8	6,0	Cần cố gắng hơn.		
2	Đỗ Hoài Bảo	5,0	5,0	5,0			7,0	7,8	6,6	Học được, cần cố gắng hơn.		
3	Nguyễn Quốc Đạt	9,0	8,0	8,0			7,3	7,8	7,9	Học khá, có cố gắng.		
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	7,0	5,0	4,0			7,5	6,5	6,3	Cần cố gắng hơn.		
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	8,0	7,0			7,5	8,0	7,9	Học khá, có cố gắng.		
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	9,0	9,0	9,0			7,8	5,3	7,3	Học khá, có cố gắng.		
7	Lưu Thị Thanh Hiền	8,0	8,0	9,0			7,3	8,3	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	9,0	5,0	5,0			7,8	6,5	6,8	Học khá, có cố gắng.		
9	Cao Hoài Hiếu	9,0	3,0	3,0			8,3	5,3	5,9	Cần cố gắng hơn.		
10	Dương Khánh Hoàng	7,0	5,0	4,0			5,0	3,5	4,6	Học yếu, cần cố gắng nhiều hơn.		
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	8,0	5,0	1,0			8,0	2,3	4,6	Học yếu, cần cố gắng nhiều hơn.		
12	Phạm Hoàng Khiêm	7,0	1,0	5,0			7,5	2,5	4,4	Học yếu, cần cố gắng nhiều hơn.		
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	9,0	10,0	5,0			7,5	9,0	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
14	La Trần Tuấn Kiệt	9,0	8,0	5,0			9,0	8,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
15	Trần Nhã Kỳ	7,0	10,0	9,0			8,3	8,5	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
16	Mai Khánh Lan	8,0	9,0	9,0			7,5	8,5	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	9,0	9,0	10,0			6,8	8,3	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
18	Phan Thị Yến Mai	9,0	7,0	3,0			7,5	5,3	6,2	Học được, cần cố gắng hơn.		
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	7,0	9,0	9,0			7,8	8,5	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
20	Phạm Thị Thanh Ngân	9,0	7,0	9,0			7,8	8,5	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
21	Nguyễn Bảo Ngọc	7,0	9,0	5,0			7,5	8,5	7,7	Học khá, có cố gắng.		
22	Trần Chi Nguyễn	8,0	10,0	8,0			7,8	9,3	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
23	Trịnh Trọng Nhân	9,0	9,0	8,0			8,5	9,8	9,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	9,0	8,0	5,0			7,0	9,0	7,9	Học khá, có cố gắng.		
25	Mai Cẩm Nhung	9,0	8,0	4,0			7,5	8,0	7,5	Học khá, có cố gắng.		
26	Lê Tấn Phát	9,0	9,0	8,0			6,0	5,0	6,6	Học được, cần cố gắng hơn.		
27	Lưu Tấn Phát	9,0	8,0	8,0			9,0	9,3	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	8,0	9,0	9,0			7,3	7,8	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
29	Nguyễn Quốc Thái	7,0	8,0	7,0			7,3	8,3	7,7	Học khá, có cố gắng.		
30	Phạm Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0			7,5	8,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0			7,3	7,5	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
32	Nguyễn Minh Thư	9,0	10,0	9,0			7,3	8,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
33	Phùng Lê Yến Thư	8,0	9,0	9,0			8,3	8,3	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
34	Lê Phúc Toàn	8,0	8,0	8,0			7,5	6,8	7,4	Học khá, có cố gắng.		
35	Võ Hoàng Trúc	9,0	9,0	9,0			7,8	8,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
36	Lê Thị Ngọc Trúc	8,0	9,0	9,0			8,3	9,3	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	7,0	9,0	3,0			8,5	3,3	5,7	Cần cố gắng hơn.		
38	Nguyễn Thành Trung	9,0	9,0	8,0			6,8	3,5	6,3	Học được, cần cố gắng hơn.		
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	9,0	9,0	3,0			7,8	2,0	5,3	Cần cố gắng hơn.		
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	9,0	9,0	5,0			7,8	6,3	7,2	Học khá, có cố gắng.		
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	7,0	3,0	10,0			8,5	7,8	7,6	Học khá, có cố gắng.		
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	7,0	1,0	7,0			7,3	7,3	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	7,0	9,0	5,0			1,0	4,5	4,6	Học yếu, cần cố gắng nhiều hơn.		
44	Huỳnh Thị Như Ý	7,0	9,0	2,0			8,5	6,5	6,8	Học khá, có cố gắng.		
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	9,0	8,0			7,5	8,5	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

Địa Lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	8,0	7,0	2,0	9,0		3,5	7,0	6,0	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
2	Đỗ Hoài Bảo	8,0	7,0	8,0	7,0		5,5	6,8	6,8	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
3	Nguyễn Quốc Đạt	8,0	7,0	3,0	7,0		6,0	7,3	6,5	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	8,0	7,0	3,0	10,0		8,5	6,0	7,0	Chăm ngoan, học khá	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	6,0	7,0	3,0	7,0		5,5	6,0	5,8	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	8,0	7,0	4,0	7,0		6,0	8,3	7,0	Chăm ngoan, học khá	
7	Lưu Thị Thanh Hiền	9,0	7,0	9,0	10,0		6,5	9,5	8,5	Chăm ngoan, học giỏi	
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	8,0	7,0	8,0	7,0		5,5	6,3	6,7	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
9	Cao Hoài Hiếu	8,0	7,0	8,0	7,0		5,5	6,0	6,6	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
10	Dương Khánh Hoàng	1,0	7,0	8,0	7,0		5,0	2,0	4,3	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	8,0	7,0	8,0	1,0		3,0	4,0	4,7	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
12	Phạm Hoàng Khiêm	8,0	7,0	4,0	10,0		5,0	5,3	6,1	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	8,0	7,0	10,0	10,0		5,5	8,8	8,0	Chăm ngoan, học giỏi	
14	La Trần Tuấn Kiệt	8,0	9,0	4,0	9,0		6,0	8,5	7,5	Chăm ngoan, học khá	
15	Trần Nhã Kỳ	8,0	7,0	8,0	10,0		8,0	7,5	7,9	Chăm ngoan, học khá	
16	Mai Khánh Lan	9,0	7,0	7,0	7,0		5,0	6,0	6,4	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	8,0	7,0	8,0	7,0		8,5	9,0	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	7,0	5,0	7,0		4,5	6,3	6,1	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	7,0	5,0	9,0		5,4	6,5	6,6	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
20	Phạm Thị Thanh Ngân	3,0	8,0	7,0	0,0		7,0	5,8	5,5	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
21	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	7,0	3,0	7,0		7,0	8,0	7,0	Chăm ngoan, học khá	
22	Trần Chí Nguyễn	8,0	7,0	8,0	7,0		5,5	7,0	6,9	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
23	Trịnh Trọng Nhân	8,0	6,0	8,0	9,0		5,0	8,5	7,4	Chăm ngoan, học khá	
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	8,0	7,0	8,0	7,0		9,5	6,0	7,4	Chăm ngoan, học khá	
25	Mai Cẩm Nhung	8,0	7,0	4,0	8,0		6,0	5,5	6,2	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
26	Lê Tấn Phát	8,0	7,0	8,0	7,0		6,0	6,3	6,8	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
27	Lưu Tấn Phát	9,0	7,0	8,0	9,0		6,5	9,3	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	9,0	7,0	8,0	10,0		7,0	4,8	6,9	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
29	Nguyễn Quốc Thái	8,0	7,0	2,0	7,0		7,0	7,3	6,7	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
30	Phạm Thanh Thảo	5,0	7,0	9,0	10,0		7,0	6,8	7,3	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	7,0	8,0	9,0		7,0	7,0	7,4	Chăm ngoan, học khá	
32	Nguyễn Minh Thư	7,0	7,0	8,0	10,0		7,0	9,5	8,3	Chăm ngoan, học giỏi	
33	Phùng Lê Yến Thư	10,0	7,0	8,0	9,0		7,5	7,3	7,9	Chăm ngoan, học khá	
34	Lê Phúc Toàn	8,0	7,0	4,0	7,0		6,0	7,3	6,7	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
35	Võ Hoàng Trúc	4,0	7,0	8,0	9,0		7,0	9,0	7,7	Chăm ngoan, học khá	
36	Lê Thị Ngọc Trúc	8,0	7,0	8,0	7,0		9,5	9,5	8,6	Chăm ngoan, học giỏi	
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	9,0	9,0	8,0	9,0		5,5	4,3	6,5	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
38	Nguyễn Thành Trung	7,0	7,0	8,0	9,0		6,5	4,0	6,2	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	8,0	7,0	4,0	7,0		8,0	6,0	6,7	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	8,0	9,0	8,0	8,0		7,0	5,8	7,2	Chăm ngoan, học khá	
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	7,0	4,0	9,0		8,0	7,3	7,3	Chăm ngoan, học khá	
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	7,0	4,0	8,0		4,5	4,3	5,4	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	6,0	7,0	7,0	1,0		4,5	2,0	4,0	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
44	Huỳnh Thị Như Ý	8,0	8,0	7,5	7,0		7,5	5,5	6,9	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	1,0	8,0	9,0	7,0		9,5	7,5	7,4	Chăm ngoan, học khá	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Quân

Ngoại ngữ 1

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	5,5	5,5	7,0	5,5		2,3	5,8	5,1	Ngoan, cần cố gắng.
2	Đỗ Hoài Bảo	4,0	5,0	7,0	6,0		4,8	5,0	5,2	Ngoan, cần cố gắng.
3	Nguyễn Quốc Đạt	5,0	5,0	6,0	7,5		4,0	4,5	5,0	Ngoan, cần cố gắng.
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	9,0	8,0	7,0	6,5		3,8	6,8	6,5	Học khá, ngoan.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	4,5	7,0	8,0	7,0		6,0	4,8	5,9	Ngoan, cần cố gắng.
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	9,5	8,0	8,0	7,5		5,5	6,1	6,9	Học khá, ngoan.
7	Lưu Thị Thanh Hiền	7,5	9,0	8,0	7,5		6,5	6,7	7,2	Học khá, ngoan.
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	10,0	9,5	10,0	9,5		6,5	6,6	8,0	Học tốt, ngoan.
9	Cao Hoài Hiếu	9,5	7,0	6,0	6,0		6,5	4,8	6,2	Cần cố gắng hơn
10	Dương Khánh Hoàng	9,5	4,0	4,0	5,0		6,8	3,1	5,0	Cần cố gắng hơn
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	6,5	5,0	6,0	4,5		4,0	5,1	5,0	Ngoan, cần cố gắng.
12	Phạm Hoàng Khiêm	8,0	2,0	6,0	6,0		4,8	5,9	5,5	Ngoan, cần cố gắng.
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	10,0	8,0	8,0	8,5		6,0	7,4	7,6	Học khá, ngoan.
14	La Trần Tuấn Kiệt	10,0	10,0	8,0	8,0		8,3	9,8	9,1	Học giỏi, chăm ngoan
15	Trần Nhã Kỳ	9,0	8,5	8,0	8,0		5,3	6,5	7,1	Học khá, ngoan.
16	Mai Khánh Lan	7,0	4,5	7,0	8,0		4,5	8,3	6,7	Học khá, ngoan.
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	9,5	7,0	7,0	7,5		7,0	7,6	7,5	Học khá, ngoan.
18	Phan Thị Yến Mai	9,5	8,0	7,0	7,5		6,0	6,0	6,9	Học khá, ngoan.
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,5	9,5	8,0	8,0		7,5	7,6	8,1	Học tốt, ngoan.
20	Phạm Thị Thanh Ngân	9,5	9,5	8,0	8,5		6,5	7,8	8,0	Học tốt, ngoan.
21	Nguyễn Bảo Ngọc	7,5	9,0	8,0	8,5		5,8	6,4	7,1	Học khá, ngoan.
22	Trần Chi Nguyễn	9,0	9,5	6,0	7,0		6,5	5,4	6,7	Học khá, ngoan.
23	Trịnh Trọng Nhân	4,0	8,0	9,0	8,0		5,0	6,4	6,5	Học khá, ngoan.
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	9,0	9,0	7,0	7,5		6,5	6,3	7,2	Học khá, ngoan.
25	Mai Cẩm Nhung	8,5	6,5	6,0	6,0		6,0	5,9	6,3	Ngoan, cần cố gắng.
26	Lê Tấn Phát	8,5	6,0	8,0	9,0		3,8	6,6	6,5	Học khá, ngoan.
27	Lưu Tấn Phát	8,0	6,0	7,0	6,5		5,3	6,3	6,3	Ngoan, cần cố gắng.
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	9,0	10,0	9,0	9,0		6,3	6,6	7,7	Học khá, ngoan.
29	Nguyễn Quốc Thái	7,5	8,5	7,0	7,0		6,5	6,6	7,0	Học khá, ngoan.
30	Phạm Thanh Thảo	8,5	8,5	7,0	8,5		5,3	3,4	5,9	Cần cố gắng hơn
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	8,0	8,0	6,5		5,3	6,8	7,1	Học khá, ngoan.
32	Nguyễn Minh Thư	9,5	9,5	8,0	7,0		8,5	8,6	8,5	Học tốt, ngoan.
33	Phùng Lê Yến Thư	6,5	9,0	8,0	9,0		7,0	9,8	8,4	Học tốt, ngoan.
34	Lê Phúc Toàn	8,5	8,0	8,0	9,0		5,5	9,2	8,0	Học tốt, ngoan.
35	Võ Hoàng Trúc	10,0	9,5	7,0	8,5		7,5	7,6	8,1	Học tốt, ngoan.
36	Lê Thị Ngọc Trúc	5,5	5,0	8,0	7,5		6,3	6,9	6,6	Học khá, ngoan.
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	5,0	4,0	7,0	8,0		5,0	6,3	5,9	Ngoan, cần cố gắng.
38	Nguyễn Thành Trung	9,5	9,0	8,0	7,5		7,8	8,2	8,2	Học tốt, ngoan.
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	7,0	7,5	7,0	6,5		8,0	5,1	6,6	Học khá, ngoan.
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	8,5	7,5	7,0	7,0		6,5	5,7	6,7	Học khá, ngoan.
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	6,0	8,0	8,5		5,3	5,8	6,5	Học khá, ngoan.
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	10,0	5,5	5,0	6,0		4,8	5,7	5,9	Cần cố gắng hơn
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10,0	5,5	5,0	5,5		3,5	5,2	5,4	Cần cố gắng hơn
44	Huỳnh Thị Như Ý	8,0	7,0	7,0	6,5		5,5	5,2	6,1	Ngoan, cần cố gắng.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	6,0	9,0	8,0		6,0	8,2	7,5	Học khá, ngoan.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 25/48

HỌC KỲ I												
Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	6,0	8,0	6,0			8,8	8,0	7,7	Lẽ phép. Học khá.		
2	Đỗ Hoài Bảo	9,0	8,0	8,0			8,3	8,0	8,2	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
3	Nguyễn Quốc Đạt	8,0	7,0	8,0			6,8	7,8	7,5	Ngoan, hiền, lễ phép. Học khá.		
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	9,0	9,0	9,0			9,3	8,0	8,7	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	7,0	10,0			8,0	6,8	7,8	Ngoan, hiền, lễ phép. Học khá.		
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	10,0	10,0	10,0			9,3	7,8	9,0	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
7	Lưu Thị Thanh Hiền	10,0	10,0	9,0			9,3	7,5	8,8	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	10,0	8,0	9,0			9,0	8,3	8,7	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
9	Cao Hoài Hiếu	9,0	8,0	10,0			8,8	8,0	8,6	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
10	Dương Khánh Hoàng	7,0	7,0	7,0			9,8	8,0	8,1	Lễ phép. Học tốt.		
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	10,0	8,0	10,0			7,3	8,3	8,4	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
12	Phạm Hoàng Khiêm	6,0	7,0	7,0			8,3	8,0	7,6	Lễ phép. Học khá.		
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	9,0	9,0	9,0			8,0	7,3	8,1	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
14	La Trần Tuấn Kiệt	10,0	8,0	9,0			8,0	8,3	8,5	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
15	Trần Nhã Kỳ	9,0	8,0	10,0			9,8	8,3	8,9	Lễ phép. Học tốt.		
16	Mai Khánh Lan	10,0	10,0	10,0			9,8	9,3	9,7	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	10,0	10,0	10,0			9,3	7,8	9,0	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	8,0	9,0			8,0	9,0	8,5	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	10,0	8,0	10,0			9,0	8,8	9,1	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
20	Phạm Thị Thanh Ngân	10,0	10,0	10,0			9,3	7,8	9,0	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
21	Nguyễn Bảo Ngọc	10,0	9,0	7,0			8,5	8,0	8,4	Lễ phép. Học tốt.		
22	Trần Chí Nguyễn	10,0	8,0	10,0			9,5	8,8	9,2	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
23	Trịnh Trọng Nhân	10,0	9,0	10,0			7,5	7,5	8,3	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	10,0	9,0	10,0			7,8	9,0	9,0	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
25	Mai Cẩm Nhung	7,0	9,0	7,0			9,3	8,0	8,2	Hiền, lễ phép. Học tốt.		
26	Lê Tấn Phát	6,0	7,0	10,0			8,3	8,0	8,0	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
27	Lưu Tấn Phát	10,0	10,0	10,0			9,0	8,0	9,0	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10,0	10,0	10,0			9,8	9,3	9,7	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
29	Nguyễn Quốc Thái	8,0	8,0	8,0			9,3	8,0	8,3	Lễ phép. Học tốt.		
30	Phạm Thanh Thảo	9,0	8,0	10,0			9,5	8,0	8,8	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	9,0	9,0			9,8	7,5	8,8	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
32	Nguyễn Minh Thư	10,0	10,0	10,0			9,5	8,0	9,1	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
33	Phùng Lê Yến Thư	10,0	9,0	10,0			9,3	9,3	9,4	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
34	Lê Phúc Toàn	6,0	7,0	9,0			8,3	8,0	7,8	Ngoan, hiền, lễ phép. Học khá.		
35	Võ Hoàng Trúc	10,0	10,0	10,0			9,5	7,5	8,9	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
36	Lê Thị Ngọc Trúc	10,0	10,0	10,0			9,3	8,3	9,2	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	10,0	8,0	10,0			9,5	8,0	8,9	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
38	Nguyễn Thành Trung	10,0	9,0	10,0			9,8	8,0	9,1	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	9,0	8,0	8,0			9,3	8,0	8,5	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	9,0	9,0	10,0			8,5	7,8	8,6	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	10,0	8,0	8,0			9,3	8,3	8,7	Hiền, lễ phép. Học tốt.		
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	7,0	8,0			9,3	8,0	8,2	Lễ phép. Học tốt.		
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	6,0	8,0			9,5	8,0	8,1	Lễ phép. Học tốt.		
44	Huỳnh Thị Như Ý	9,0	8,0	9,0			9,3	8,3	8,7	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		
45	Nguyễn Thị Kim Yến	10,0	10,0	10,0			9,8	9,3	9,7	Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.		

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

Giáo dục thể chất											HỌC KỲ I										
											(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú									
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ												
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
2	Đỗ Hoài Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
3	Nguyễn Quốc Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
7	Lưu Thị Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
9	Cao Hoài Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
10	Dương Khánh Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
12	Phạm Hoàng Khiêm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
14	La Trần Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
15	Trần Nhã Kỳ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
16	Mai Khánh Lan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
18	Phan Thị Yến Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
20	Phạm Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
21	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
22	Trần Chí Nguyễn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
23	Trịnh Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
25	Mai Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
26	Lê Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
27	Lưu Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
29	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
30	Phạm Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
32	Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
33	Phùng Lê Yến Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
34	Lê Phúc Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
35	Võ Hoàng Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
36	Lê Thị Ngọc Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
38	Nguyễn Thành Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!											
44	Huỳnh Thị Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.											

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

HỌC KỲ I

Giáo dục địa phương

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)						Thường Xuyên	Giữa kỳ		Cuối kỳ
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Đ	Đ							Đ	
2	Đỗ Hoài Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3	Nguyễn Quốc Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
7	Lưu Thị Thanh Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
9	Cao Hoài Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
10	Dương Khánh Hoàng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
12	Phạm Hoàng Khiêm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
14	La Trần Tuấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
15	Trần Nhã Kỳ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
16	Mai Khánh Lan	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
18	Phan Thị Yến Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
20	Phạm Thị Thanh Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
21	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
22	Trần Chí Nguyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
23	Trịnh Trọng Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
25	Mai Cẩm Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
26	Lê Tấn Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
27	Lưu Tấn Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
29	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
30	Phạm Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
32	Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
33	Phùng Lê Yến Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
34	Lê Phúc Toàn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
35	Võ Hoàng Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
36	Lê Thị Ngọc Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
38	Nguyễn Thành Trung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
44	Huỳnh Thị Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Ngân, Đinh Thị Hồng Lan, Nguyễn Thanh Quân

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ		Học kỳ
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
2	Đỗ Hoài Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
3	Nguyễn Quốc Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
7	Lưu Thị Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
9	Cao Hoài Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
10	Dương Khánh Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
12	Phạm Hoàng Khiêm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
14	La Trần Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
15	Trần Nhã Kỳ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
16	Mai Khánh Lan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
18	Phan Thị Yến Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
20	Phạm Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
21	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
22	Trần Chí Nguyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
23	Trịnh Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
25	Mai Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
26	Lê Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
27	Lưu Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
29	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
30	Phạm Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
32	Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
33	Phùng Lê Yến Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
34	Lê Phúc Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
35	Võ Hoàng Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
36	Lê Thị Ngọc Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
38	Nguyễn Thành Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
44	Huỳnh Thị Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan. Tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	6,5	6,4	5,6	5,8	6,0	6,0	5,1	7,1	7,7	Đ	T
2	Đỗ Hoài Bảo	Đ	Đ	Đ	5,5	6,2	5,1	4,2	6,6	6,8	5,2	6,8	8,2	Đ	T
3	Nguyễn Quốc Đạt	Đ	Đ	Đ	6,7	8,2	6,9	5,0	7,9	6,5	5,0	8,2	7,5	K	T
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	Đ	Đ	Đ	6,4	8,4	7,2	5,2	6,3	7,0	6,5	8,3	8,7	K	T
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	4,9	5,8	5,4	4,4	7,9	5,8	5,9	6,8	7,8	Đ	T
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	Đ	Đ	Đ	7,5	8,6	8,8	6,2	7,3	7,0	6,9	8,1	9,0	K	T
7	Lưu Thị Thanh Hiền	Đ	Đ	Đ	8,2	8,3	7,4	7,1	8,1	8,5	7,2	8,9	8,8	T	T
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Đ	Đ	Đ	7,9	8,4	7,5	6,6	6,8	6,7	8,0	8,9	8,7	K	T
9	Cao Hoài Hiếu	Đ	Đ	Đ	6,3	7,7	7,7	3,7	5,9	6,6	6,2	7,4	8,6	Đ	T
10	Dương Khánh Hoàng	Đ	Đ	Đ	4,9	7,8	6,9	5,6	4,6	4,3	5,0	7,3	8,1	Đ	K
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	Đ	Đ	Đ	5,6	6,3	6,9	3,9	4,6	4,7	5,0	7,3	8,4	Đ	T
12	Phạm Hoàng Khiêm	Đ	Đ	Đ	5,1	5,6	6,9	5,9	4,4	6,1	5,5	8,1	7,6	Đ	K
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	Đ	Đ	Đ	7,4	7,8	6,9	7,3	8,3	8,0	7,6	8,4	8,1	K	T
14	La Trần Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,4	7,8	6,8	6,9	8,0	7,5	9,1	8,6	8,5	K	T
15	Trần Nhã Kỳ	Đ	Đ	Đ	6,7	8,1	7,3	5,2	8,5	7,9	7,1	8,4	8,9	K	T
16	Mai Khánh Lan	Đ	Đ	Đ	7,3	8,5	8,1	6,4	8,3	6,4	6,7	8,6	9,7	K	T
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Đ	Đ	Đ	8,2	8,9	8,5	6,6	8,3	8,2	7,5	8,7	9,0	T	T
18	Phan Thị Yến Mai	Đ	Đ	Đ	7,4	8,1	7,9	6,2	6,2	6,1	6,9	8,4	8,5	K	T
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	7,4	7,4	7,7	7,1	8,3	6,6	8,1	8,7	9,1	K	T
20	Phạm Thị Thanh Ngân	Đ	Đ	Đ	8,3	8,8	8,7	6,6	8,3	5,5	8,0	8,9	9,0	K	T
21	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	6,8	7,8	7,4	5,4	7,7	7,0	7,1	8,4	8,4	K	T
22	Trần Chí Nguyên	Đ	Đ	Đ	7,2	7,1	7,2	5,7	8,7	6,9	6,7	8,4	9,2	K	T
23	Trịnh Trọng Nhân	Đ	Đ	Đ	7,3	8,4	7,0	6,7	9,1	7,4	6,5	8,2	8,3	K	T
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Đ	Đ	Đ	7,1	7,1	7,7	6,0	7,9	7,4	7,2	9,1	9,0	K	T
25	Mai Cẩm Nhung	Đ	Đ	Đ	5,9	7,7	7,3	5,6	7,5	6,2	6,3	7,4	8,2	Đ	T
26	Lê Tấn Phát	Đ	Đ	Đ	6,1	7,1	6,5	6,7	6,6	6,8	6,5	7,9	8,0	K	T
27	Lưu Tấn Phát	Đ	Đ	Đ	7,4	7,3	7,1	6,1	8,9	8,2	6,3	7,9	9,0	K	T
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	Đ	Đ	Đ	8,6	7,6	7,1	6,4	8,0	6,9	7,7	8,3	9,7	K	T
29	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ	Đ	6,8	7,8	7,4	5,4	7,7	6,7	7,0	8,2	8,3	K	T
30	Phạm Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	7,6	9,1	8,3	8,4	8,4	7,3	5,9	8,1	8,8	K	K
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	9,1	8,9	8,5	6,1	8,0	7,4	7,1	8,6	8,8	K	T
32	Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ	Đ	8,4	8,9	8,9	9,7	8,6	8,3	8,5	8,9	9,1	T	T
33	Phùng Lê Yến Thư	Đ	Đ	Đ	9,2	8,1	7,3	6,9	8,4	7,9	8,4	8,8	9,4	T	T
34	Lê Phúc Toàn	Đ	Đ	Đ	5,4	7,0	6,5	5,4	7,4	6,7	8,0	7,3	7,8	K	T
35	Vô Hoàng Trúc	Đ	Đ	Đ	8,0	8,8	8,5	6,6	8,6	7,7	8,1	7,9	8,9	T	T
36	Lê Thị Ngọc Trúc	Đ	Đ	Đ	8,9	8,8	6,8	6,9	8,8	8,6	6,6	8,9	9,2	T	T
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	Đ	Đ	Đ	7,4	8,2	7,9	5,2	5,7	6,5	5,9	8,9	8,9	K	T
38	Nguyễn Thành Trung	Đ	Đ	Đ	7,7	8,8	9,1	6,2	6,3	6,2	8,2	8,5	9,1	K	T
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Đ	Đ	Đ	5,8	8,2	7,9	5,6	5,3	6,7	6,6	7,5	8,5	K	T
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	Đ	Đ	Đ	5,6	7,3	6,9	6,6	7,2	7,2	6,7	8,2	8,6	K	T
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	Đ	Đ	Đ	7,1	7,4	7,7	5,7	7,6	7,3	6,5	7,1	8,7	K	T
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	6,1	7,9	7,0	4,7	6,4	5,4	5,9	8,2	8,2	Đ	K
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ	Đ	4,4	7,9	7,3	4,3	4,6	4,0	5,4	8,5	8,1	CĐ	K
44	Huỳnh Thị Như Ý	Đ	Đ	Đ	7,3	7,8	7,9	5,6	6,8	6,9	6,1	8,3	8,7	K	T
45	Nguyễn Thị Kim Yên	Đ	Đ	Đ	8,2	8,9	8,0	6,7	8,2	7,4	7,5	8,9	9,7	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Kim Thoa

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	8,0	7,0	8,0	4,0		4,8	6,8	6,3	6.4			Phải nỗ lực nhiều hơn
2	Đỗ Hoài Bảo	8,0	8,0	8,0	6,0		4,5	4,8	5,9	5.8			Phải nỗ lực nhiều hơn
3	Nguyễn Quốc Đạt	9,0	8,0	9,0	8,0		6,0	5,5	6,9	6.8			Phải nỗ lực nhiều hơn
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	9,0	8,0	9,0	6,0		6,5	4,0	6,3	6.3			Phải nỗ lực nhiều hơn
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	10,0	9,0		4,5	6,8	7,3	6.5			Phải nỗ lực nhiều hơn
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	10,0	9,0	9,0	9,0		8,0	6,0	7,9	7.8			Ngoan, có cố gắng
7	Lưu Thị Thanh Hiền	10,0	9,0	9,0	10,0		8,0	8,0	8,7	8.5			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	9,0	9,0	9,0	9,0		9,3	7,3	8,5	8.3			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
9	Cao Hoài Hiếu	8,0	8,0	10,0	7,0		6,3	5,5	6,9	6.7			Phải nỗ lực nhiều hơn
10	Dương Khánh Hoàng	9,0	2,0	5,0	8,0		5,0	5,8	5,7	5.4			Phải nỗ lực nhiều hơn
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	8,0	8,0	9,0	5,0		6,8	7,0	7,2	6.7			Phải nỗ lực nhiều hơn
12	Phạm Hoàng Khiêm	8,0	7,0	8,0	5,0		5,3	6,8	6,6	6.1			Phải nỗ lực nhiều hơn
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	10,0	9,0	9,0	10,0		9,3	7,8	8,9	8.4			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
14	La Trần Tuấn Kiệt	8,0	9,0	9,0	8,0		7,5	7,0	7,8	7.7			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
15	Trần Nhã Kỳ	10,0	8,0	8,0	7,0		8,3	6,5	7,7	7.4			Ngoan, có cố gắng
16	Mai Khánh Lan	8,0	8,0	9,0	10,0		7,8	7,3	8,1	7.8			Ngoan, có cố gắng
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	10,0	9,0	10,0	10,0		9,0	6,8	8,6	8.5			Ngoan, có cố gắng
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	9,0	9,0	10,0		7,3	5,8	7,6	7.5			Ngoan, có cố gắng
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	9,0	10,0	10,0		7,8	8,5	8,8	8.3			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
20	Phạm Thị Thanh Ngân	8,0	9,0	9,0	10,0		4,0	6,0	6,9	7.4			Phải nỗ lực nhiều hơn
21	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	9,0	9,0	7,0		8,5	6,8	7,8	7.5			Ngoan, có cố gắng
22	Trần Chí Nguyên	9,0	9,0	9,0	10,0		5,0	7,0	7,6	7.5			Ngoan, có cố gắng
23	Trịnh Trọng Nhân	10,0	8,0	10,0	10,0		7,3	5,3	7,6	7.5			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	8,0	9,0	9,0	6,0		6,5	5,3	6,8	6.9			Phải nỗ lực nhiều hơn
25	Mai Cẩm Nhung	9,0	8,0	9,0	10,0		5,5	5,8	7,2	6.8			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
26	Lê Tấn Phát	10,0	9,0	9,0	10,0		5,3	5,5	7,2	6.8			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
27	Lưu Tấn Phát	8,0	9,0	10,0	8,0		5,3	7,0	7,4	7.4			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10,0	9,0	10,0	10,0		9,3	7,5	8,9	8.8			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
29	Nguyễn Quốc Thái	8,0	8,0	8,0	5,0		7,5	6,0	6,9	6.9			Phải nỗ lực nhiều hơn
30	Phạm Thanh Thảo	8,0	1,0	10,0	5,0		5,8	6,0	6,0	6.5			Phải nỗ lực nhiều hơn
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	8,0	9,0	8,0		7,0	5,3	7,0	7.7			Ngoan, có cố gắng
32	Nguyễn Minh Thư	9,0	9,0	10,0	8,0		5,8	6,3	7,4	7.7			Ngoan, có cố gắng
33	Phùng Lê Yến Thư	10,0	9,0	10,0	10,0		10,0	8,3	9,3	9.3			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
34	Lê Phúc Toàn	8,0	7,0	10,0	7,0		5,8	5,8	6,8	6.3			Phải nỗ lực nhiều hơn
35	Võ Hoàng Trúc	9,0	9,0	10,0	9,0		7,3	6,8	8,0	8.0			Ngoan, có cố gắng
36	Lê Thị Ngọc Trúc	9,0	9,0	10,0	9,0		8,5	7,8	8,6	8.7			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	9,0	8,0	9,0	9,0		10,0	8,0	8,8	8.3			Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng
38	Nguyễn Thành Trung	9,0	9,0	9,0	9,0		8,3	5,8	7,8	7.8			Ngoan, có cố gắng
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	9,0	9,0	10,0	10,0		6,5	3,8	6,9	6.5			Phải nỗ lực nhiều hơn
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	9,0	9,0	7,0	6,0		4,5	3,5	5,6	5.6			Phải nỗ lực nhiều hơn
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	10,0	8,0	10,0	10,0		7,5	7,8	8,5	8.0			Ngoan, có cố gắng
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	8,0	10,0	5,0		4,0	6,5	6,5	6.4			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	9,0	9,0	8,0		6,8	6,0	7,3	6.3			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
44	Huỳnh Thị Như Ý	7,0	8,0	9,0	8,0		6,5	7,0	7,3	7.3			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
45	Nguyễn Thị Kim Yến	10,0	9,0	10,0	10,0		8,5	3,8	7,5	7.7			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kim Ngân

Học kỳ II Hóa học (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	8,0	7,0	8,0			4,0	6,0	6,1	6.2			Ngoan, hiền. Cần cố gắng
2	Đỗ Hoài Bảo	8,0	7,0	8,0			7,3	7,0	7,3	6.9			Học khá. Chăm, ngoan
3	Nguyễn Quốc Đạt	8,0	8,0	9,0			9,0	9,0	8,8	8.6			Học tốt. Chăm, ngoan
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	8,0	9,0	9,0			10,0	9,5	9,3	9.0			Học tốt. Chăm, ngoan
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	8,0			5,3	5,3	6,2	6.1			Ngoan, hiền. Cần cố gắng
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	8,0	9,0	9,0			9,5	8,3	8,7	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
7	Lưu Thị Thanh Hiền	8,0	9,0	9,0			9,3	8,0	8,6	8.5			Học tốt. Chăm, ngoan
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	8,0	9,0	8,0			6,8	9,0	8,2	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
9	Cao Hoài Hiếu	8,0	8,0	8,0			9,3	7,8	8,3	8.1			Học tốt. Chăm, ngoan
10	Dương Khánh Hoàng	8,0	7,0	8,0			8,0	8,5	8,1	8.0			Học tốt. Chăm, ngoan
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	8,0	7,0	8,0			8,3	8,0	8,0	7.4			Học tốt. Chăm, ngoan
12	Phạm Hoàng Khiêm	8,0	8,0	8,0			7,3	7,5	7,6	6.9			Học khá. Chăm, ngoan
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	8,0	10,0	9,0			7,3	8,8	8,5	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
14	La Trần Tuấn Kiệt	8,0	7,0	8,0			6,3	8,5	7,6	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
15	Trần Nhã Kỳ	8,0	9,0	8,0			9,3	8,5	8,6	8.4			Học tốt. Chăm, ngoan
16	Mai Khánh Lan	8,0	7,0	8,0			8,8	9,3	8,6	8.6			Học tốt. Chăm, ngoan
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	9,0	8,0	9,0			9,5	8,5	8,8	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	9,0	8,0			9,3	8,8	8,8	8.6			Học tốt. Chăm, ngoan
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	8,0	8,0			8,3	8,8	8,4	8.1			Học tốt. Chăm, ngoan
20	Phạm Thị Thanh Ngân	8,0	9,0	8,0			9,5	8,5	8,7	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
21	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	8,0	8,0			8,8	8,5	8,5	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
22	Trần Chí Nguyên	9,0	9,0	9,0			8,3	9,3	8,9	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
23	Trịnh Trọng Nhân	10,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,1	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	8,0	9,0	8,0			8,8	8,3	8,4	8.0			Học tốt. Chăm, ngoan
25	Mai Cẩm Nhung	9,0	8,0	8,0			9,3	8,8	8,8	8.4			Học tốt. Chăm, ngoan
26	Lê Tấn Phát	8,0	8,0	8,0			8,8	9,3	8,7	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
27	Lưu Tấn Phát	8,0	9,0	8,0			9,3	9,3	8,9	8.4			Học tốt. Chăm, ngoan
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	9,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,3	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
29	Nguyễn Quốc Thái	9,0	8,0	9,0			8,0	8,3	8,4	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
30	Phạm Thanh Thảo	8,0	9,0	8,0			8,3	8,3	8,3	8.6			Học tốt. Chăm, ngoan
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,3	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
32	Nguyễn Minh Thư	9,0	9,0	8,0			8,5	9,3	8,9	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan
33	Phùng Lê Yến Thư	8,0	8,0	9,0			9,5	10,0	9,3	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan
34	Lê Phúc Toàn	8,0	9,0	8,0			6,8	6,8	7,4	7.3			Học khá. Chăm, ngoan
35	Võ Hoàng Trúc	9,0	8,0	9,0			9,3	8,0	8,6	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
36	Lê Thị Ngọc Trúc	8,0	9,0	8,0			8,8	9,5	8,9	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	8,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,4	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
38	Nguyễn Thành Trung	9,0	8,0	8,0			8,8	9,0	8,7	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	8,0	7,0	8,0			9,0	7,3	7,9	8.0			Học khá. Chăm, ngoan
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	8,0	9,0	9,0			8,5	8,3	8,5	8.1			Học tốt. Chăm, ngoan
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	8,0	8,0			9,0	8,0	8,3	8.0			Học tốt. Chăm, ngoan
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	8,0	8,0			7,8	9,0	8,3	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	8,0	8,0			7,3	9,0	8,2	8.1			Học tốt. Chăm, ngoan
44	Huỳnh Thị Như Ý	7,0	8,0	8,0			8,5	9,0	8,4	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	8,0	9,0			8,5	9,8	8,9	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	0,0	3,0	0,0			7,8	7,5	5,1	5.3			Ngoan, hiền.
2	Đỗ Hoài Bảo	0,0	8,0	9,0			8,3	7,0	6,8	6.2			Chăm, ngoan, học khá.
3	Nguyễn Quốc Đạt	9,0	9,0	4,0			5,8	7,5	7,0	7.0			Ngoan, học khá
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	6,0	6,0	6,0			8,3	8,0	7,3	7.3			Ngoan, học khá
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	10,0			6,3	5,5	6,8	6.3			Ngoan, học khá
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	8,0	10,0	10,0			8,5	9,5	9,2	9.1			Chăm, ngoan, học giỏi.
7	Lưu Thị Thanh Hiền	8,0	10,0	10,0			7,5	7,3	8,1	7.9			Chăm, ngoan, học giỏi.
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	6,0	9,0	5,0			8,3	9,0	8,0	7.8			Ngoan, học khá
9	Cao Hoài Hiếu	8,0	5,0	5,0			7,0	8,5	7,2	7.4			Ngoan, học khá
10	Dương Khánh Hoàng	5,0	4,0	2,0			7,5	8,5	6,4	6.6			Ngoan, hiền.
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	5,0	0,0	1,0			7,3	9,5	6,1	6.4			Ngoan, hiền.
12	Phạm Hoàng Khiêm	6,0	0,0	9,0			7,3	8,5	6,9	6.9			Ngoan, hiền.
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	10,0	10,0	10,0			8,3	9,5	9,4	8.6			Chăm, ngoan, học giỏi.
14	La Trần Tuấn Kiệt	7,0	10,0	4,0			7,5	6,5	6,9	6.9			Ngoan, hiền.
15	Trần Nhã Kỳ	8,0	0,0	6,0			8,3	7,3	6,6	6.8			Ngoan, hiền.
16	Mai Khánh Lan	9,0	10,0	10,0			8,0	8,3	8,7	8.5			Chăm, ngoan, học giỏi.
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	9,0	8,0	10,0			8,5	8,8	8,8	8.7			Chăm, ngoan, học giỏi.
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	10,0	6,0			8,5	8,0	8,1	8.0			Chăm, ngoan, học giỏi.
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	10,0	4,0			8,8	9,5	8,5	8.2			Chăm, ngoan, học giỏi.
20	Phạm Thị Thanh Ngân	9,0	8,0	10,0			8,0	8,8	8,7	8.7			Chăm, ngoan, học giỏi.
21	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	7,0	10,0			7,8	8,5	8,3	8.0			Chăm, ngoan, học giỏi.
22	Trần Chí Nguyên	8,0	6,0	10,0			7,8	7,8	7,9	7.7			Chăm, ngoan, học khá.
23	Trịnh Trọng Nhân	10,0	10,0	8,0			6,5	7,8	8,1	7.7			Chăm, ngoan, học giỏi.
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	8,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,6	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi.
25	Mai Cẩm Nhung	7,0	8,0	10,0			7,3	9,3	8,4	8.0			Chăm, ngoan, học giỏi.
26	Lê Tấn Phát	7,0	7,0	10,0			6,8	10,0	8,5	7.8			Chăm, ngoan, học giỏi.
27	Lưu Tấn Phát	9,0	10,0	6,0			8,3	8,8	8,5	8.0			Chăm, ngoan, học giỏi.
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10,0	10,0	10,0			6,5	6,8	7,9	7.6			Chăm, ngoan, học khá.
29	Nguyễn Quốc Thái	8,0	8,0	10,0			7,8	9,0	8,6	8.2			Chăm, ngoan, học giỏi.
30	Phạm Thanh Thảo	7,0	7,0	7,0			8,0	8,5	7,8	8.0			Chăm, ngoan, học khá.
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9,0	8,0	10,0			8,5	9,0	8,9	8.8			Chăm, ngoan, học giỏi.
32	Nguyễn Minh Thư	9,0	10,0	10,0			8,3	9,5	9,3	9.2			Chăm, ngoan, học giỏi.
33	Phùng Lê Yến Thư	9,0	10,0	10,0			7,5	8,8	8,8	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi.
34	Lê Phúc Toàn	5,0	8,0	0,0			8,3	10,0	7,5	7.2			Chăm, ngoan, học khá.
35	Võ Hoàng Trúc	9,0	10,0	9,0			8,0	9,5	9,1	8.9			Chăm, ngoan, học giỏi.
36	Lê Thị Ngọc Trúc	9,0	10,0	10,0			8,8	9,8	9,5	8.6			Chăm, ngoan, học giỏi.
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	9,0	1,0	10,0			8,3	10,0	8,3	8.2			Chăm, ngoan, học giỏi.
38	Nguyễn Thành Trung	10,0	10,0	10,0			7,8	9,5	9,3	9.2			Chăm, ngoan, học giỏi.
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	8,0	8,0	3,0			8,0	8,8	7,7	7.8			Chăm, ngoan, học khá.
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	8,0	9,0	8,0			5,0	7,8	7,3	7.2			Ngoan, học khá
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	7,0	8,0			8,3	10,0	8,7	8.4			Chăm, ngoan, học giỏi.
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	10,0	5,0			8,3	9,5	8,5	8.0			Chăm, ngoan, học giỏi.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	5,0	7,0	1,0			8,3	8,8	7,0	7.1			Ngoan, học khá
44	Huỳnh Thị Như Ý	8,0	9,0	3,0			8,5	9,5	8,2	8.1			Chăm, ngoan, học giỏi.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	10,0	10,0	10,0			8,0	8,5	8,9	8.6			Chăm, ngoan, học giỏi.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Liên, Phạm Thị Thu

HỌC KỲ II														
Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	8,0	8,0	9,0	8,0	6,0	4,0	5,0	6,2	6.1			Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
2	Đỗ Hoài Bảo	9,0	9,0	10,0	8,0	7,0	3,5	3,0	5,9	5.3			Cần tập trung vào công việc học tập	
3	Nguyễn Quốc Đạt	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	5,0	3,5	6,0	5.7			Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập	
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	8,0	8,0	9,0	8,0	6,0	4,5	7,0	6,9	6.3			Được, cần tập trung hơn	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	8,0	6,0	8,0	8,0	4,0	2,5	5,3	5.0			Tạm tạm, phải cố gắng thật nhiều	
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	9,0	9,0	10,0	10,0	6,0	5,0	4,5	6,8	6.6			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
7	Lưu Thị Thanh Hiền	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	6,0	7,0	7,2	7.2			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	5,5	5,5	6,7	6.7			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
9	Cao Hoài Hiếu	8,0	8,0	9,0	8,0	5,0	3,5	4,5	5,9	5.2			Cần tập trung vào công việc học tập	
10	Dương Khánh Hoàng	8,0	9,0	10,0	8,0	5,0	3,5	3,5	5,8	5.7			Cần tập trung vào công việc học tập	
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	4,0	4,0	6,1	5.4			Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập	
12	Phạm Hoàng Khiêm	8,0	8,0	9,0	8,0	6,0	5,0	5,5	6,6	6.4			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần	
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	9,0	9,0	8,4	8.0			Tinh thần học tập tốt, năng động	
14	La Trần Tuấn Kiệt	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	5,5	6,0	6,8	6.8			Được, cần tập trung hơn	
15	Trần Nhã Kỳ	8,0	8,0	9,0	8,0	7,0	5,0	6,0	6,8	6.3			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần	
16	Mai Khánh Lan	8,0	8,0	8,0	9,0	6,0	6,0	5,5	6,8	6.7			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	9,0	9,0	10,0	10,0	7,0	6,0	6,0	7,5	7.2			Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	8,0	8,0	9,0	5,0	5,5	4,0	6,1	6.1			Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	5,0	4,5	6,3	6.6			Cần phải cố gắng nhiều hơn	
20	Phạm Thị Thanh Ngân	9,0	9,0	10,0	10,0	6,0	6,0	5,5	7,3	7.1			Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
21	Nguyễn Bảo Ngọc	8,0	8,0	9,0	8,0	6,0	5,0	6,5	6,9	6.4			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần	
22	Trần Chí Nguyên	9,0	9,0	10,0	10,0	6,0	2,0	5,5	6,5	6.2			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
23	Trịnh Trọng Nhân	8,0	8,0	8,0	8,0	6,0	6,0	4,5	6,4	6.5			Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	8,0	8,0	8,0	9,0	7,0	4,5	5,0	6,4	6.3			Cần phải cố gắng nhiều hơn	
25	Mai Cẩm Nhung	8,0	9,0	10,0	10,0	4,0	5,0	5,0	6,6	6.3			Được, cần tập trung hơn	
26	Lê Tấn Phát	7,0	8,0	8,0	8,0	5,0	6,0	7,0	6,9	6.8			Được, cần tập trung hơn	
27	Lưu Tấn Phát	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	5,0	6,0	6,9	6.6			Được, cần tập trung hơn	
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	8,0	8,0	8,0	9,0	6,0	5,0	6,5	6,9	6.7			Được, cần tập trung hơn	
29	Nguyễn Quốc Thái	8,0	8,0	9,0	8,0	7,0	4,5	6,5	6,9	6.4			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
30	Phạm Thanh Thảo	10,0	9,0	10,0	10,0	9,0	10,0	8,5	9,4	9.1			Học giỏi, năng động và sáng tạo trong học tập	
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	9,0	10,0	10,0	4,0	5,0	5,5	6,8	6.6			Được, cần tập trung hơn	
32	Nguyễn Minh Thư	9,0	9,0	10,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,1	9.3			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
33	Phùng Lê Yến Thư	8,0	8,0	8,0	9,0	6,0	5,0	6,0	6,7	6.8			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
34	Lê Phúc Toàn	8,0	8,0	8,0	8,0	6,0	2,5	3,0	5,2	5.3			Tạm tạm, phải cố gắng thật nhiều	
35	Võ Hoàng Trúc	9,0	9,0	10,0	10,0	6,0	6,0	7,0	7,7	7.3			Học khá, có sáng tạo và năng động	
36	Lê Thị Ngọc Trúc	9,0	9,0	10,0	10,0	7,0	5,0	6,5	7,5	7.3			Học khá, có sáng tạo và năng động	
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	8,0	8,0	9,0	8,0	7,0	3,0	5,5	6,3	5.9			Cần phải cố gắng nhiều hơn	
38	Nguyễn Thành Trung	9,0	9,0	10,0	10,0	6,0	6,0	4,5	7,0	6.7			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn	
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	9,0	9,0	10,0	10,0	7,0	7,0	4,5	7,3	6.7			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	6,5	5,5	7,1	6.9			Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ	
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	8,0	9,0	8,0	7,0	3,5	6,0	6,5	6.2			Được, cần tập trung hơn	
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	8,0	9,0	8,0	7,0	5,0	4,5	6,4	5.8			Cần phải cố gắng nhiều hơn	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	8,0	9,0	8,0	5,0	4,0	6,5	6,6	5.8			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
44	Huỳnh Thị Như Ý	8,0	8,0	9,0	8,0	6,0	3,5	5,0	6,1	5.9			Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	8,0	8,0	9,0	6,0	5,0	5,5	6,6	6.6			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	8,0	8,0	8,0	9,0		6,8	6,3	7,3	6.9			Có cố gắng trong học tập.
2	Đỗ Hoài Bảo	9,0	10,0	10,0	8,0		8,0	9,3	9,0	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
3	Nguyễn Quốc Đạt	8,0	9,0	9,0	9,0		7,8	8,3	8,4	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	8,0	8,0	8,0	9,0		6,3	8,5	7,9	7.4			Học khá, chăm ngoan.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	9,0	9,0		7,0	9,0	8,4	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	8,0	9,0	9,0	9,0		6,8	9,3	8,5	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
7	Lưu Thị Thanh Hiền	8,0	10,0	10,0	9,0		7,8	9,8	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	9,0	10,0	10,0	8,0		7,3	9,3	8,8	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
9	Cao Hoài Hiếu	8,0	8,0	8,0	9,0		8,0	7,5	7,9	7.2			Học khá, chăm ngoan.
10	Dương Khánh Hoàng	10,0	10,0	10,0	9,0		6,0	3,0	6,7	6.0			Có cố gắng trong học tập.
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	8,0	8,0	8,0	9,0		5,5	8,8	7,8	6.7			Học khá, chăm ngoan.
12	Phạm Hoàng Khiêm	8,0	8,0	8,0	8,0		5,5	6,3	6,9	6.1			Học khá, chăm ngoan.
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	8,0	10,0	10,0	9,0		8,3	9,8	9,2	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
14	La Trần Tuấn Kiệt	8,0	10,0	10,0	8,0		7,3	9,0	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
15	Trần Nhã Kỳ	9,0	8,0	8,0	8,0		6,3	8,3	7,8	8.0			Học khá, chăm ngoan.
16	Mai Khánh Lan	9,0	10,0	10,0	9,0		9,0	9,5	9,4	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	9,0	9,0	9,0	8,0		6,8	8,5	8,2	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	10,0	10,0	9,0		8,0	9,3	9,0	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	8,0	10,0	10,0	9,0		7,8	9,5	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
20	Phạm Thị Thanh Ngân	8,0	9,0	9,0	8,0		8,0	8,8	8,5	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
21	Nguyễn Bảo Ngọc	9,0	8,0	8,0	8,0		6,3	8,3	7,8	7.8			Học khá, chăm ngoan.
22	Trần Chí Nguyên	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,8	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
23	Trịnh Trọng Nhân	9,0	10,0	9,0	9,0		9,8	8,0	9,0	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	8,0	10,0	10,0	9,0		8,3	8,8	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
25	Mai Cẩm Nhung	8,0	10,0	10,0	8,0		7,0	8,3	8,3	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
26	Lê Tấn Phát	8,0	9,0	9,0	8,0		8,8	9,5	8,9	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
27	Lưu Tấn Phát	8,0	9,0	9,0	9,0		9,3	9,5	9,1	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	8,0	10,0	10,0	9,0		6,8	8,5	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
29	Nguyễn Quốc Thái	9,0	8,0	8,0	8,0		7,3	8,5	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
30	Phạm Thanh Thảo	8,0	10,0	10,0	8,0		7,3	9,0	8,6	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	9,0	9,0	9,0		7,3	7,8	8,1	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
32	Nguyễn Minh Thư	8,0	10,0	10,0	9,0		6,3	9,0	8,5	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
33	Phùng Lê Yến Thư	8,0	10,0	10,0	9,0		7,3	9,5	8,9	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
34	Lê Phúc Toàn	8,0	9,0	9,0	8,0		6,3	9,5	8,3	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
35	Võ Hoàng Trúc	8,0	9,0	9,0	9,0		5,5	8,5	7,9	8.1			Học khá, chăm ngoan.
36	Lê Thị Ngọc Trúc	8,0	10,0	10,0	9,0		7,8	9,5	9,0	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	8,0	8,0	8,0	8,0		6,0	8,5	7,7	7.0			Học khá, chăm ngoan.
38	Nguyễn Thành Trung	8,0	9,0	9,0	8,0		6,5	9,0	8,2	7.6			Học tốt, chăm ngoan.
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	8,0	10,0	10,0	8,0		6,8	7,8	8,1	7.2			Học tốt, chăm ngoan.
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	9,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,0	8,4	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	8,0	8,0	9,0		7,5	8,5	8,2	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	8,0	8,0	8,0		8,3	8,0	8,1	7.5			Học tốt, chăm ngoan.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	8,0	8,0	8,0		7,5	8,3	8,0	6.9			Học tốt, chăm ngoan.
44	Huỳnh Thị Như Ý	8,0	8,0	8,0	9,0		6,5	8,5	7,9	7.5			Học khá, chăm ngoan.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	9,0	10,0	10,0	9,0		8,5	9,8	9,4	9.0			Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	7,0	8,0	8,0			5,0	5,5	6,2	6.1			
2	Đỗ Hoài Bảo	7,0	5,0	6,0			5,5	3,0	4,8	5.5			
3	Nguyễn Quốc Đạt	8,0	4,0	7,0			7,5	9,0	7,6	7.2			
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	10,0	7,0	4,0			6,5	8,0	7,3	7.2			
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	8,0	9,0			7,0	5,0	6,8	6.5			
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	9,0	7,0	10,0			6,5	8,0	7,9	7.6			
7	Lưu Thị Thanh Hiền	10,0	8,0	10,0			7,5	8,0	8,4	8.4			
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	8,0	6,0	5,0			9,0	7,5	7,4	7.2			
9	Cao Hoài Hiếu	8,0	8,0	6,0			6,5	7,0	7,0	6.9			
10	Dương Khánh Hoàng	6,0	8,0	4,0			5,0	4,0	5,0	4.8			
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	7,0	8,0	4,0			5,5	2,5	4,7	4.7			
12	Phạm Hoàng Khiêm	2,0	8,0	8,0			7,0	5,5	6,1	6.1			
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	10,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,8	8.5			
14	La Trần Tuấn Kiệt	8,0	9,0	5,0			8,5	8,0	7,9	7.8			
15	Trần Nhã Kỳ	8,0	6,0	10,0			7,0	5,0	6,6	7.0			
16	Mai Khánh Lan	10,0	9,0	10,0			7,0	7,0	8,0	7.5			
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	8,0	7,0	10,0			6,5	8,0	7,8	7.9			
18	Phan Thị Yến Mai	9,0	7,0	10,0			8,0	6,0	7,5	7.0			
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	9,0	8,0	5,0			8,0	9,0	8,1	7.6			
20	Phạm Thị Thanh Ngân	10,0	8,0	10,0			7,0	7,0	7,9	7.1			
21	Nguyễn Bảo Ngọc	10,0	8,0	10,0			6,5	8,5	8,3	7.9			
22	Trần Chí Nguyên	8,0	8,0	4,0			6,5	9,0	7,5	7.3			
23	Trịnh Trọng Nhân	9,0	7,0	7,0			7,5	8,0	7,8	7.7			
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	7,0	6,0	10,0			6,0	8,5	7,6	7.5			
25	Mai Cẩm Nhung	8,0	4,0	9,0			7,5	6,0	6,8	6.6			
26	Lê Tấn Phát	8,0	8,0	10,0			7,5	6,0	7,4	7.2			
27	Lưu Tấn Phát	9,0	9,0	10,0			6,5	9,0	8,5	8.4			
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10,0	10,0	10,0			8,0	8,5	8,9	8.2			
29	Nguyễn Quốc Thái	7,0	7,0	6,0			7,5	6,0	6,6	6.6			
30	Phạm Thanh Thảo	8,0	7,0	9,0			7,5	8,5	8,1	7.8			
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	6,0	10,0			6,5	7,5	7,4	7.4			
32	Nguyễn Minh Thư	10,0	7,0	9,0			6,5	8,5	8,1	8.2			
33	Phùng Lê Yến Thư	10,0	10,0	10,0			9,0	8,5	9,2	8.8			
34	Lê Phúc Toàn	8,0	9,0	4,0			7,0	7,5	7,2	7.0			
35	Võ Hoàng Trúc	10,0	8,0	10,0			6,5	9,0	8,5	8.2			
36	Lê Thị Ngọc Trúc	10,0	8,0	10,0			6,5	9,0	8,5	8.5			
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	9,0	9,0	6,0			7,0	7,5	7,6	7.2			
38	Nguyễn Thành Trung	8,0	9,0	10,0			6,5	6,5	7,4	7.0			
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	6,0	7,0	9,0			6,0	6,5	6,7	6.7			
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	10,0	7,0	9,0			6,5	8,0	7,9	7.7			
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	8,0	9,0	9,0			7,0	5,0	6,9	7.0			
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	9,0	6,0			7,5	8,0	7,8	7.0			
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	7,0	7,0	8,0			5,5	7,0	6,8	5.9			
44	Huỳnh Thị Như Ý	8,0	8,0	9,0			6,0	5,0	6,5	6.6			
45	Nguyễn Thị Kim Yến	9,0	10,0	10,0			7,5	8,0	8,5	8.1			

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

HỌC KỲ II													
Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	3,0	8,0	6,5	8,0		3,5	5,9	5,6	5.4			Cần cố gắng hơn
2	Đỗ Hoài Bảo	2,5	4,0	5,0	8,0		5,5	5,9	5,4	5.3			Cần cố gắng hơn
3	Nguyễn Quốc Đạt	7,5	9,5	8,5	7,0		6,8	9,0	8,1	7.1			Học tốt, ngoan.
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	6,0	8,0	7,0	7,0		6,8	8,6	7,5	7.2			Học khá, ngoan.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,5	7,0	8,0	9,0		5,8	6,0	6,8	6.5			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	4,0	6,0	5,0	8,0		8,3	8,3	7,2	7.1			Học khá, ngoan.
7	Lưu Thị Thanh Hiền	8,0	10,0	9,5	9,0		8,0	8,8	8,8	8.3			Học tốt, ngoan.
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	9,5	9,0	9,0	7,0		6,3	9,0	8,2	8.1			Học tốt, ngoan.
9	Cao Hoài Hiếu	6,5	10,0	9,0	6,0		6,0	7,3	7,3	6.9			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.
10	Dương Khánh Hoàng	4,5	8,0	5,5	5,0		3,5	6,5	5,5	5.3			Cần cố gắng hơn
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	7,0	8,0	8,5	8,0		6,3	7,0	7,2	6.5			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.
12	Phạm Hoàng Khiêm	9,0	8,0	6,0	7,0		4,5	6,0	6,3	6.0			Cần cố gắng hơn
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	9,5	10,0	9,0	8,0		8,3	8,2	8,6	8.3			Học tốt, ngoan.
14	La Trần Tuấn Kiệt	10,0	10,0	9,5	8,0		9,0	9,6	9,4	9.3			Học giỏi, chăm ngoan
15	Trần Nhã Kỳ	9,0	9,0	6,5	8,0		7,3	8,1	7,9	7.6			Học khá, ngoan.
16	Mai Khánh Lan	7,5	10,0	9,0	8,0		8,8	9,2	8,9	8.2			Học tốt, ngoan.
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	3,5	5,0	5,5	8,0		8,3	7,7	6,9	7.1			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.
18	Phan Thị Yến Mai	8,0	10,0	9,5	7,0		8,5	9,4	8,9	8.2			Học tốt, ngoan.
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	10,0	10,0	9,5	7,0		7,0	9,2	8,7	8.5			Học tốt, ngoan.
20	Phạm Thị Thanh Ngân	8,0	5,0	5,0	8,0		8,8	9,4	8,0	8.0			Học tốt, ngoan.
21	Nguyễn Bảo Ngọc	2,5	8,5	9,0	8,0		6,5	8,0	7,2	7.2			Học khá, ngoan.
22	Trần Chí Nguyên	8,0	9,5	7,0	8,0		7,0	8,0	7,8	7.4			Học khá, ngoan.
23	Trịnh Trọng Nhân	7,0	9,0	9,0	9,0		6,5	8,6	8,1	7.6			Học tốt, ngoan.
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	6,0	9,0	8,5	7,0		8,5	8,0	7,9	7.7			Học khá, ngoan.
25	Mai Cẩm Nhung	7,0	6,0	5,0	7,0		5,3	7,0	6,3	6.3			Cần cố gắng hơn
26	Lê Tấn Phát	7,5	10,0	8,0	7,0		7,0	8,8	8,1	7.6			Học tốt, ngoan.
27	Lưu Tấn Phát	5,5	10,0	9,0	8,0		4,3	7,4	7,0	6.8			Học khá, ngoan.
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10,0	9,0	9,0	8,0		7,3	9,4	8,8	8.4			Học tốt, ngoan.
29	Nguyễn Quốc Thái	9,0	9,0	9,0	7,0		7,3	9,0	8,4	7.9			Học tốt, ngoan.
30	Phạm Thanh Thảo	7,5	6,0	7,0	5,0		6,0	7,8	6,8	6.5			Học khá, cần tập trung hơn.
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8,0	5,0	4,5	8,0		7,5	8,1	7,2	7.2			Học khá, ngoan.
32	Nguyễn Minh Thư	6,5	5,0	5,5	8,0		7,0	8,1	7,0	7.5			Học khá, ngoan.
33	Phùng Lê Yến Thư	9,5	9,0	8,0	8,0		8,0	9,6	8,8	8.7			Học tốt, ngoan.
34	Lê Phúc Toàn	9,0	10,0	6,0	7,0		6,5	9,8	8,3	8.2			Học tốt, ngoan.
35	Võ Hoàng Trúc	3,5	6,0	6,0	8,0		7,8	8,6	7,2	7.5			Học khá, ngoan.
36	Lê Thị Ngọc Trúc	7,5	6,0	8,5	9,0		7,0	7,9	7,6	7.3			Học khá, ngoan.
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	3,5	8,0	7,0	7,0		6,0	7,2	6,6	6.4			Học khá, ngoan, cần cố gắng hơn.
38	Nguyễn Thành Trung	8,0	6,5	8,0	8,0		8,0	8,2	7,9	8.0			Học khá, ngoan.
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	3,0	5,0	5,0	8,0		3,3	4,7	4,6	5.3			Cần cố gắng hơn
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	7,5	8,0	9,0	7,0		7,5	7,3	7,6	7.3			Học khá, ngoan.
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	2,5	9,5	9,5	7,0		7,0	7,5	7,2	7.0			Học khá, ngoan.
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	6,0	9,0	9,0	5,0		7,8	8,9	7,9	7.2			Học khá, ngoan.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	6,0	8,0	9,5	5,0		4,3	5,9	6,1	5.9			Cần cố gắng hơn
44	Huỳnh Thị Như Ý	3,5	9,0	9,0	8,0		6,5	7,0	7,1	6.8			Học khá, ngoan.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	9,5	10,0	9,5	8,0		7,3	9,0	8,7	8.3			Học tốt, ngoan.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Thoa

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 39/48

HỌC KỲ II													
Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	10,0	8,0	7,0			8,5	8,3	8,4	8.2			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
2	Đỗ Hoài Bảo	10,0	9,0	10,0			7,5	9,3	9,0	8.7			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
3	Nguyễn Quốc Đạt	7,0	7,0	7,0			8,0	8,3	7,7	7.6			Ngoan, hiền, lễ phép. Học khá.
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	10,0	9,0	8,0			8,3	9,3	8,9	8.8			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			8,3	7,0	8,1	8.0			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	10,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,4	9.3			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
7	Lưu Thị Thanh Hiền	10,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,4	9.2			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	10,0	10,0	10,0			9,0	9,3	9,5	9.2			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
9	Cao Hoài Hiếu	7,0	7,0	9,0			8,5	9,3	8,5	8.5			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
10	Dương Khánh Hoàng	7,0	7,0	7,0			8,5	9,0	8,1	8.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	10,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,4	9.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
12	Phạm Hoàng Khiêm	6,0	6,0	6,0			7,5	9,3	7,6	7.6			Ngoan, hiền, lễ phép. Học khá.
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	10,0	10,0	9,0			9,0	9,3	9,4	9.0			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
14	La Trần Tuấn Kiệt	10,0	10,0	9,0			8,5	9,3	9,2	9.0			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
15	Trần Nhã Kỳ	10,0	9,0	9,0			8,5	9,0	9,0	9.0			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
16	Mai Khánh Lan	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	9.7			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	10,0	10,0	10,0			8,5	9,5	9,4	9.3			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
18	Phan Thị Yến Mai	10,0	8,0	10,0			8,3	9,5	9,1	8.9			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	10,0	8,0	10,0			8,5	9,3	9,1	9.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
20	Phạm Thị Thanh Ngân	10,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,1	9.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
21	Nguyễn Bảo Ngọc	10,0	10,0	10,0			7,8	7,8	8,6	8.5			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
22	Trần Chí Nguyên	10,0	10,0	9,0			8,5	9,3	9,2	9.2			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
23	Trịnh Trọng Nhân	9,0	9,0	9,0			8,8	8,3	8,7	8.6			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	10,0	9,0	10,0			8,5	9,8	9,4	9.3			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
25	Mai Cẩm Nhung	10,0	9,0	10,0			8,5	9,0	9,1	8.8			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
26	Lê Tấn Phát	8,0	7,0	7,0			8,5	9,3	8,4	8.3			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
27	Lưu Tấn Phát	10,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,1	9.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	9.7			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
29	Nguyễn Quốc Thái	8,0	9,0	10,0			8,3	9,3	8,9	8.7			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
30	Phạm Thanh Thảo	9,0	9,0	10,0			8,5	9,5	9,2	9.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10,0	9,0	10,0			8,5	9,3	9,2	9.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
32	Nguyễn Minh Thư	10,0	10,0	10,0			8,5	9,5	9,4	9.3			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
33	Phùng Lê Yến Thư	10,0	10,0	10,0			9,3	9,8	9,8	9.7			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
34	Lê Phúc Toàn	8,0	7,0	7,0			8,5	9,3	8,4	8.2			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
35	Võ Hoàng Trúc	10,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,4	9.2			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
36	Lê Thị Ngọc Trúc	10,0	10,0	10,0			8,5	9,3	9,4	9.3			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	10,0	10,0	10,0			8,3	9,3	9,3	9.2			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
38	Nguyễn Thành Trung	10,0	9,0	10,0			8,5	9,0	9,1	9.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	10,0	10,0	10,0			8,8	9,3	9,4	9.1			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	10,0	9,0	10,0			7,0	8,0	8,4	8.5			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	10,0	8,0	10,0			8,5	9,3	9,1	9.0			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8,0	8,0	10,0			8,5	9,3	8,9	8.7			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	8,0	9,0			8,5	9,3	8,7	8.5			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
44	Huỳnh Thị Như Ý	10,0	9,0	9,0			8,5	9,3	9,1	9.0			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	10,0	10,0	9,0			9,8	9,8	9,8	9.8			Ngoan, hiền, lễ phép. Học tốt.

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

Giáo dục thể chất

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En, Trần Hồ Minh Tiến

Giáo dục địa phương

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)											
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
2	Đỗ Hoài Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
3	Nguyễn Quốc Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
7	Lưu Thị Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
9	Cao Hoài Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
10	Dương Khánh Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
12	Phạm Hoàng Khiêm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
14	La Trần Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
15	Trần Nhã Kỳ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
16	Mai Khánh Lan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
18	Phan Thị Yến Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
20	Phạm Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
21	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
22	Trần Chí Nguyễn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
23	Trịnh Trọng Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
25	Mai Cẩm Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
26	Lê Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
27	Lưu Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
29	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
30	Phạm Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
32	Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
33	Phùng Lê Yến Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
34	Lê Phúc Toàn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
35	Võ Hoàng Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
36	Lê Thị Ngọc Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
38	Nguyễn Thành Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
44	Huỳnh Thị Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường, Nguyễn Thị Lệ Huyền

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ		Cuối năm																									
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
2	Đỗ Hoài Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
3	Nguyễn Quốc Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
7	Lưu Thị Thanh Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
9	Cao Hoài Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
10	Dương Khánh Hoàng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
12	Phạm Hoàng Khiêm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
14	La Trần Tuấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
15	Trần Nhã Kỳ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
16	Mai Khánh Lan	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
18	Phan Thị Yến Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
20	Phạm Thị Thanh Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
21	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
22	Trần Chí Nguyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
23	Trịnh Trọng Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
25	Mai Cẩm Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
26	Lê Tấn Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
27	Lưu Tấn Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
29	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
30	Phạm Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
32	Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
33	Phùng Lê Yến Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
34	Lê Phúc Toàn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
35	Võ Hoàng Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
36	Lê Thị Ngọc Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
38	Nguyễn Thành Trung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
44	Huỳnh Thị Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt																											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	6,3	6,1	5,1	6,2	7,3	6,2	5,6	8,0	8,4	Đ	T
2	Đỗ Hoài Bảo	Đ	Đ	Đ	5,9	7,3	6,8	5,9	9,0	4,8	5,4	8,1	9,0	Đ	T
3	Nguyễn Quốc Đạt	Đ	Đ	Đ	6,9	8,8	7,0	6,0	8,4	7,6	8,1	6,6	7,7	K	T
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	Đ	Đ	Đ	6,3	9,3	7,3	6,9	7,9	7,3	7,5	7,9	8,9	K	T
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,3	6,2	6,8	5,3	8,4	6,8	6,8	6,3	8,1	K	T
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	Đ	Đ	Đ	7,9	8,7	9,2	6,8	8,5	7,9	7,2	7,7	9,4	K	T
7	Lưu Thị Thanh Hiền	Đ	Đ	Đ	8,7	8,6	8,1	7,2	9,1	8,4	8,8	8,1	9,4	T	T
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Đ	Đ	Đ	8,5	8,2	8,0	6,7	8,8	7,4	8,2	8,6	9,5	T	T
9	Cao Hoài Hiếu	Đ	Đ	Đ	6,9	8,3	7,2	5,9	7,9	7,0	7,3	7,7	8,5	K	T
10	Dương Khánh Hoàng	Đ	Đ	Đ	5,7	8,1	6,4	5,8	6,7	5,0	5,5	6,1	8,1	Đ	K
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	Đ	Đ	Đ	7,2	8,0	6,1	6,1	7,8	4,7	7,2	6,7	9,4	Đ	T
12	Phạm Hoàng Khiêm	Đ	Đ	Đ	6,6	7,6	6,9	6,6	6,9	6,1	6,3	7,1	7,6	K	T
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	Đ	Đ	Đ	8,9	8,5	9,4	8,4	9,2	8,8	8,6	9,0	9,4	T	T
14	La Trần Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	7,8	7,6	6,9	6,8	8,6	7,9	9,4	7,0	9,2	K	T
15	Trần Nhã Kỳ	Đ	Đ	Đ	7,7	8,6	6,6	6,8	7,8	6,6	7,9	7,4	9,0	K	T
16	Mai Khánh Lan	Đ	Đ	Đ	8,1	8,6	8,7	6,8	9,4	8,0	8,9	9,0	9,7	T	T
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Đ	Đ	Đ	8,6	8,8	8,8	7,5	8,2	7,8	6,9	7,7	9,4	K	T
18	Phan Thị Yến Mai	Đ	Đ	Đ	7,6	8,8	8,1	6,1	9,0	7,5	8,9	8,9	9,1	K	T
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	8,8	8,4	8,5	6,3	9,0	8,1	8,7	8,4	9,1	K	T
20	Phạm Thị Thanh Ngân	Đ	Đ	Đ	6,9	8,7	8,7	7,3	8,5	7,9	8,0	8,1	9,1	T	T
21	Nguyễn Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,8	8,5	8,3	6,9	7,8	8,3	7,2	7,9	8,6	K	T
22	Trần Chí Nguyên	Đ	Đ	Đ	7,6	8,9	7,9	6,5	8,6	7,5	7,8	7,4	9,2	K	T
23	Trịnh Trọng Nhân	Đ	Đ	Đ	7,6	9,1	8,1	6,4	9,0	7,8	8,1	7,9	8,7	K	T
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Đ	Đ	Đ	6,8	8,4	8,6	6,4	8,9	7,6	7,9	7,6	9,4	K	T
25	Mai Cẩm Nhung	Đ	Đ	Đ	7,2	8,8	8,4	6,6	8,3	6,8	6,3	8,4	9,1	K	T
26	Lê Tấn Phát	Đ	Đ	Đ	7,2	8,7	8,5	6,9	8,9	7,4	8,1	7,6	8,4	K	T
27	Lưu Tấn Phát	Đ	Đ	Đ	7,4	8,9	8,5	6,9	9,1	8,5	7,0	9,0	9,1	T	T
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	Đ	Đ	Đ	8,9	9,3	7,9	6,9	8,5	8,9	8,8	8,1	9,7	T	T
29	Nguyễn Quốc Thái	Đ	Đ	Đ	6,9	8,4	8,6	6,9	8,1	6,6	8,4	8,1	8,9	T	T
30	Phạm Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	6,0	8,3	7,8	9,4	8,6	8,1	6,8	9,0	9,2	K	T
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Đ	Đ	Đ	7,0	9,3	8,9	6,8	8,1	7,4	7,2	8,1	9,2	K	T
32	Nguyễn Minh Thư	Đ	Đ	Đ	7,4	8,9	9,3	9,1	8,5	8,1	7,0	8,7	9,4	T	T
33	Phùng Lê Yến Thư	Đ	Đ	Đ	9,3	9,3	8,8	6,7	8,9	9,2	8,8	8,4	9,8	T	T
34	Lê Phúc Toàn	Đ	Đ	Đ	6,8	7,4	7,5	5,2	8,3	7,2	8,3	7,7	8,4	K	T
35	Vô Hoàng Trúc	Đ	Đ	Đ	8,0	8,6	9,1	7,7	7,9	8,5	7,2	9,1	9,4	T	T
36	Lê Thị Ngọc Trúc	Đ	Đ	Đ	8,6	8,9	9,5	7,5	9,0	8,5	7,6	7,9	9,4	T	T
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	Đ	Đ	Đ	8,8	8,4	8,3	6,3	7,7	7,6	6,6	7,4	9,3	K	T
38	Nguyễn Thành Trung	Đ	Đ	Đ	7,8	8,7	9,3	7,0	8,2	7,4	7,9	8,3	9,1	K	T
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Đ	Đ	Đ	6,9	7,9	7,7	7,3	8,1	6,7	4,6	7,9	9,4	Đ	T
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	Đ	Đ	Đ	5,6	8,5	7,3	7,1	8,4	7,9	7,6	8,4	8,4	K	T
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	Đ	Đ	Đ	8,5	8,3	8,7	6,5	8,2	6,9	7,2	8,0	9,1	T	T
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	6,5	8,3	8,5	6,4	8,1	7,8	7,9	7,1	8,9	K	K
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ	Đ	7,3	8,2	7,0	6,6	8,0	6,8	6,1	7,1	8,7	K	K
44	Huỳnh Thị Như Ý	Đ	Đ	Đ	7,3	8,4	8,2	6,1	7,9	6,5	7,1	7,3	9,1	K	T
45	Nguyễn Thị Kim Yên	Đ	Đ	Đ	7,5	8,9	8,9	6,6	9,4	8,5	8,7	8,1	9,8	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Kim Thoa

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	T	Đ			2	Lên lớp			Tổng số học sinh: 45 - Được lên lớp: 45 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
2	Đỗ Hoài Bảo	T	Đ				Lên lớp			
3	Nguyễn Quốc Đạt	T	K				Lên lớp			
4	Nguyễn Tổng Gia Hân	T	K			6	Lên lớp			
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	T	K			2	Lên lớp			
6	Nguyễn Lê Thanh Hiền	T	K			2	Lên lớp			
7	Lưu Thị Thanh Hiền	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
8	Nguyễn Thị Thanh Hiền	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
9	Cao Hoài Hiếu	T	K			4	Lên lớp			
10	Dương Khánh Hoàng	K	Đ			26	Lên lớp			- Không được lên lớp: 0
11	Nguyễn Ngọc Xuân Huyền	T	Đ			3	Lên lớp			Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Thị Kim Thoa Hiệu trưởng <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
12	Phạm Hoàng Khiêm	T	Đ			6	Lên lớp			
13	Nguyễn Ngọc Anh Khôi	T	T			2	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
14	La Trần Tuấn Kiệt	T	K			3	Lên lớp			
15	Trần Nhã Kỳ	T	K				Lên lớp			
16	Mai Khánh Lan	T	T			2	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
17	Nguyễn Thị Ngọc Mai	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
18	Phan Thị Yến Mai	T	K			1	Lên lớp			
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
20	Phạm Thị Thanh Ngân	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	Nguyễn Minh Triều
21	Nguyễn Bảo Ngọc	T	K			1	Lên lớp			
22	Trần Chí Nguyên	T	K				Lên lớp			
23	Trịnh Trọng Nhân	T	K				Lên lớp			
24	Nguyễn Thị Hồng Nhi	T	K				Lên lớp			
25	Mai Cẩm Nhung	T	K			3	Lên lớp			
26	Lê Tấn Phát	T	K			1	Lên lớp			
27	Lưu Tấn Phát	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
28	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
29	Nguyễn Quốc Thái	T	K			2	Lên lớp			
30	Phạm Thanh Thảo	T	T			10	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	T	K				Lên lớp			
32	Nguyễn Minh Thư	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
33	Phùng Lê Yến Thư	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
34	Lê Phúc Toàn	T	K			1	Lên lớp			
35	Võ Hoàng Trúc	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
36	Lê Thị Ngọc Trúc	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
37	Nguyễn Huỳnh Thiên Trúc	T	K			1	Lên lớp			
38	Nguyễn Thành Trung	T	K				Lên lớp			
39	Nguyễn Thị Bích Tuyền	T	K			1	Lên lớp			
40	Trương Huỳnh Ngọc Tuyền	T	K			2	Lên lớp			
41	Trần Thị Cẩm Tuyền	T	K			3	Lên lớp			
42	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	K	K			25	Lên lớp			
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	K	Đ			24	Lên lớp			
44	Huỳnh Thị Như Ý	T	K			2	Lên lớp			
45	Nguyễn Thị Kim Yến	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9		Nguyễn Minh Triều
Tháng 10		Nguyễn Minh Triều
Tháng 11		Nguyễn Minh Triều
Tháng 12		Nguyễn Minh Triều
Tháng 1		Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2		Nguyễn Minh Triều
Tháng 3		Nguyễn Minh Triều
Tháng 4		Nguyễn Minh Triều
Tháng 5		Nguyễn Minh Triều